

Số: 1401 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc giao kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 tỉnh Bắc Giang

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1535/QĐ-TTg ngày 15  
tháng 9 năm 2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà  
nước giai đoạn 2021-2025; số 236/QĐ-TTg ngày 21 tháng 2 năm 2022 về việc giao,  
điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-  
2025 cho các bộ, ngành cơ quan trung ương và địa phương (đợt 2); số 1113/QĐ-TTg  
ngày 21 tháng 9 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương của  
Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày  
24 tháng 7 năm 2023 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương của  
Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, giao điều chỉnh kế hoạch đầu tư  
công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định  
số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc  
giao dự toán chi tiết ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ 14 về Kế hoạch đầu tư công, Chương  
trình mục tiêu quốc gia năm 2024 tỉnh Bắc Giang.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao Kế hoạch đầu tư công, Chương trình mục tiêu quốc gia năm  
2024 cho các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và  
các Chủ đầu tư (tại các biểu kèm theo).

**Điều 2.** UBND các huyện, thành phố giao chi tiết kế hoạch năm 2024 các

nguồn vốn: (1) Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2025; (2) Nguồn thu tiền sử dụng đất để lại cho các huyện, thành phố theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Ban hành quy định phân cấp ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025; (3) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh; (4) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024 theo Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh; (5) Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí huyện Lục Ngạn theo Kế hoạch 479/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; (6) Ngân sách tỉnh hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư các dự án. Báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính kết quả giao chi tiết kế hoạch để theo dõi, tổng hợp.

**Điều 3.** Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các chủ đầu tư định kỳ hằng tháng, quý và cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

**Điều 4.** Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ đầu tư dự án và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, các cơ quan của Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TTTT, các chuyên viên khối nghiên cứu;
- Lưu VT, TH<sub>Nam</sub> (50b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Ánh Dương**

## HỆ THỐNG BIỂU

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024  
TỈNH BẮC GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; bổ sung khác trung hạn từ ngân sách TW	Số vốn trung hạn còn lại năm 2024-2025	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)					Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>10.005.309</b>	<b>9.586.672</b>	<b>418.637</b>	<b>41.145.231</b>	<b>447.000</b>	<b>15.586.406</b>	<b>9.136.497</b>	<b>8.700.061</b>	<b>436.436</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách nhà nước</b>	<b>10.005.309</b>	<b>9.586.672</b>	<b>418.637</b>	<b>41.145.231</b>	<b>447.000</b>	<b>15.586.406</b>	<b>9.136.497</b>	<b>8.700.061</b>	<b>436.436</b>	
	<i>Trong đó:</i>										
<b>1</b>	<b>Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>6.738.340</b>	<b>6.738.340</b>		<b>33.107.688</b>		<b>13.688.214</b>	<b>7.735.784</b>	<b>7.735.784</b>		
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo tính điểm do TW cân đối cho tỉnh ( <i>không bao gồm đất, xố số và bội chi</i> )	647.440	647.440		3.504.700		1.625.214	692.784	692.784		
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	6.000.000	6.000.000		29.420.000		12.000.000	6.600.000	6.600.000		TW giao năm 2024 tại QĐ 1603/QĐ-TTg 11/12/2023
	<i>Trong đó:</i>										
	+ <i>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</i>							<i>5.870.000</i>	<i>5.870.000</i>		<i>Chi tiết ở Biểu số 02</i>
	+ <i>Kinh phí sử dụng đất thực hiện ghi thu - ghi chi BTGPMB (nội dung đã thực hiện)</i>							<i>730.000</i>	<i>730.000</i>		<i>Thực hiện cân đối ghi thu - ghi chi (nội dung đã chi) theo số liệu dự toán của cơ quan tài chính</i>



STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; bổ sung khác trung hạn từ ngân sách TW	Số vốn trung hạn còn lại năm 2024-2025	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)					Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)	
-	Kinh phí BTGPMB ứng trước của nhà đầu tư từ tiền thuê đất thực hiện ghi thu - ghi chi							415.000	415.000		Thực hiện cân đối ghi thu - ghi chi (nội dung đã chi) theo số liệu dự toán của cơ quan tài chính
-	Xổ số kiến thiết	25.000	25.000		140.000		63.000	28.000	28.000		
-	Bộ chi ngân sách địa phương, trong đó:	65.900	65.900		42.988						
	+ Vốn ODA do địa phương vay lại	65.900	65.900		42.988						Vốn trung hạn được tính bằng số KH vay lại theo tỷ lệ cấp phát hàng năm
<b>2</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>3.266.969</b>	<b>2.848.332</b>	<b>418.637</b>	<b>8.037.543</b>	<b>447.000</b>	<b>1.898.193</b>	<b>1.400.713</b>	<b>964.277</b>	<b>436.436</b>	
<b>2.1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>2.067.500</b>	<b>2.067.500</b>		<b>7.563.293</b>	<b>447.000</b>	<b>730.038</b>	<b>387.120</b>	<b>387.120</b>		
	- Vốn hỗ trợ mục tiêu theo các chương trình của tỉnh (theo tiêu chí cho tỉnh)	1.532.500	1.532.500		4.260.658		518.038	220.120	220.120		
	+ Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước	199.055	199.055		418.958						
	- Vốn hỗ trợ mục tiêu theo chương trình phát triển liên vùng trên địa bàn tỉnh từ ngân sách trung ương	300.000	300.000		1.100.000						

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; bổ sung khác trung hạn từ ngân sách TW	Số vốn trung hạn còn lại năm 2024-2025	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		
			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)					Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp (NSTW)	
	- Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	235.000	235.000		377.000	142.000	142.000	142.000			
	- Bổ sung kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 từ ngân sách trung ương				70.000	70.000	25.000	25.000		Bổ sung trung hạn NSTW dự án Chùa Vĩnh Nghiêm 70 tỷ	
<b>2.2</b>	<b>Vốn thực hiện các Chương trình MTQG</b>	<b>994.343</b>	<b>575.706</b>	<b>418.637</b>	<b>2.202.635</b>		<b>1.141.736</b>	<b>1.013.593</b>	<b>577.157</b>	<b>436.436</b>	
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	305.522	251.506	54.016	1.042.664		545.888	303.031	248.038	54.993	
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	246.193	126.090	120.103	368.908		153.806	221.878	103.496	118.382	
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	442.628	198.110	244.518	791.063		442.042	488.684	225.623	263.061	
<b>2.3</b>	<b>Vốn nước ngoài (ODA)</b>	<b>205.126</b>	<b>205.126</b>		<b>474.250</b>		<b>26.419</b>				
	- Cấp phát từ ngân sách Trung ương	166.336	166.336								
	- Cấp phát từ ngân sách Trung ương	38.790	38.790							KH năm 2023 không sử dụng hết, tỉnh Bắc Giang đã trình TW điều chỉnh giảm 38,790 tỷ đồng	
<b>II</b>	<b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư</b>										

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024 TỈNH BẮC GIANG**  
(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024						Ghi chú			
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)					Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh		Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất		
																							Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)
	<b>TỔNG SỐ (A+B)</b>				8.790.476	6.532.176	1.415.000	485.637		775.961	448.051	122.932			23.033.062	9.080.596	7.320.784	692.784	6.600.000	2.783.000	3.817.000	28.000			
A	<b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH VÀ XỐ SỐ KIẾN THIẾT</b>				8.790.476	6.532.176	1.415.000	485.637		775.961	448.051	122.932			5.613.062	4.117.096	2.568.484	692.784	1.847.700	1.847.700		28.000			
I	<b>TRẢ NỢ VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI PHÂN NGÂN SÁCH TỈNH PHẢI TRẢ</b>														75.348	75.348	13.716	13.716							
1	Trả nợ gốc các theo Hiệp định các dự án ODA đến niên hạn phải trả		2024												75.348	75.348	13.716	13.716							
II	<b>THANH TOÁN CÁC DỰ ÁN QUYẾT TOÁN</b>		2024												122.456	122.456									
III	<b>VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>		2024												31.950	31.950									
IV	<b>HỖ TRỢ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>				533.500	334.000									883.600	889.600	415.600	160.000	255.600	255.600					
1	Ngân sách tỉnh hỗ trợ các huyện, thành phố theo tiêu chí tỉnh điểm (Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh)		2021-2025												300.000	300.000	100.000	100.000							
1.1	Thành phố Bắc Giang														17.700	17.700	5.900	5.900							
1.2	Huyện Sơn Động														41.400	41.400	13.800	13.800							
1.3	Huyện Lục Ngạn														48.900	48.900	16.300	16.300							
1.4	Huyện Lục Nam														37.800	37.800	12.600	12.600							
1.5	Huyện Yên Thế														32.700	32.700	10.900	10.900							
1.6	Huyện Hiệp Hòa														24.300	24.300	8.100	8.100							
1.7	Huyện Tân Yên														27.600	27.600	9.200	9.200							
1.8	Huyện Việt Yên														19.500	19.500	6.500	6.500							
1.9	Huyện Yên Dũng														20.400	20.400	6.800	6.800							
1.10	Huyện Lạng Giang														29.700	29.700	9.900	9.900							

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu						Quyết định đầu tư điều chỉnh						Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024						Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA	Vốn khác					Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)	Vốn xố số kiến thiết		
																							Tổng số	
2	Hỗ trợ các huyện, thành phố thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		2021-2025												185.200	185.200	60.000	60.000						Đổi ứng NSTW theo quy định NO HENĐ tỉnh- Chi tiết ở biểu số 03c
3	Đổi ứng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		2021-2025												25.000	25.000	20.000		20.000	20.000				Đổi ứng tối thiểu 15% NSTW theo quy định NO HENĐ tỉnh- Chi tiết ở biểu số 03c
4	Đổi ứng Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030		2021-2025												80.000	80.000	95.000		95.000	95.000				Đổi ứng tối thiểu 15% NSTW theo quy định NO HENĐ tỉnh- Chi tiết ở biểu số 03c
5	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024		2022-2024		165.500	150.000									103.400	103.400	46.600		46.600	46.600				Thực hiện hỗ trợ ngân sách huyện
(1)	Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Sơn Động, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	2022-2024	448/QĐ-UBND, 14/02/2022	79.703	72.000									46.600	46.600	25.400		25.400	25.400				Hỗ trợ ngân sách huyện
(2)	Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	2022-2024	408/QĐ-UBND, 28/01/2022	22.955										17.500	17.500	7.500		7.500	7.500				Hỗ trợ ngân sách huyện
(3)	Đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Nam, giai đoạn 2022-2024	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	2022-2024	1464/QĐ-UBND, 04/3/2022	46.302	41.000									27.300	27.300	13.700		13.700	13.700				Hỗ trợ ngân sách huyện
(4)	Đầu tư xây dựng công trình ngầm dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Thế	2022-2024	7900/QĐ-UBND, 15/11/2021	14.613	12.000									12.000	12.000								Hỗ trợ ngân sách huyện

STT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó				Vốn xố số kiến thiết	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)					Vốn ODA	Vốn khác	Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)
6	Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (hỗ trợ từ ngân sách tỉnh 01 tỷ đồng/xã)	UBND các huyện, xã	2021-2025	1233/QĐ-UBND, 21/6/2021	368.000	184.000							90.000	96.000	44.000		44.000	44.000				Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách cấp huyện, xã; đồng thời, ngân sách cấp huyện, xã đối ứng bổ sung thực hiện; theo đề xuất các huyện, thành phố có khả năng triển khai thực hiện, không tổng hợp để xuất đối với các xã thuộc diện sáp nhập	
	Thành phố Bắc Giang												2.000	2.000	3.000		3.000	3.000					
	Huyện Việt Yên					4.000							8.000	8.000	4.000		4.000	4.000					
	Huyện Hiệp Hòa					3.000							12.000	12.000								Năm 2024 huyện đề xuất 5 trụ sở cho các xã thuộc diện sáp nhập nên chưa tổng hợp	
	Huyện Yên Dũng					2.000							8.000	8.000								Năm 2024 huyện không đề xuất do không có xã nào có mặt bằng	
	Huyện Lạng Giang					4.000							11.000	11.000	7.000		7.000	7.000					
	Huyện Tân Yên					5.000							11.000	11.000								Năm 2024 huyện không đề xuất do không có xã nào có mặt bằng	
	Huyện Yên Thế					6.000							12.000	12.000	1.000		1.000	1.000				Năm 2024 huyện đề xuất 2 trụ sở nhưng trong đó có 01 trụ sở thuộc diện sáp nhập nên không tổng hợp	
	Huyện Lục Nam					5.000							12.000	12.000	11.000		11.000	11.000					
	Huyện Lục Ngạn					6.000							10.000	10.000	14.000		14.000	14.000					
	Huyện Sơn Đông					5.000							10.000	10.000	4.000		4.000	4.000					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú				
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó				Vốn xố số kiến thiết			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)					Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số			Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)
7	Hỗ trợ kinh phí huyện Lục Ngạn theo Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn.		2022-2024																			Đã điều chỉnh bổ sung 50.000tr/dự KH 2023; số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại bố trí hết vào năm 2024			
V	<b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG</b>				<b>5.662.382</b>	<b>4.093.880</b>	<b>1.100.000</b>		<b>485.637</b>																
*	<b>Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</b>				<b>2.023.915</b>	<b>923.915</b>	<b>1.100.000</b>																		
1	Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhאי (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	1065/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	1.452.715	352.715	1.100.000							1.220.800	120.800	134.800	14.800	120.000	120.000				Bố trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại phân vốn ngân sách tỉnh để hoàn thành dự án năm 2024		
2	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT293 đến QL17, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-2024	794/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	571.200	571.200								382.998	382.998	105.002		105.002	105.002						
*	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</b>				<b>2.795.454</b>	<b>2.795.454</b>																			
1	Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-2025	2626/QĐ-UBND, 21/12/2021	211.035	211.035								149.600	149.600	32.000		32.000	32.000				Bố trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó			Vốn xố số kiến thiết				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn ODA	Vốn khác	Vốn CDNS tỉnh			Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất		
																						Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bố sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)
2	Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-2025	2440/QĐ-UBND, 29/11/2021	1.492.478	1.492.478							933.233	933.233	397.967		397.967	397.967			Không bao gồm vốn trung hạn 2021-2025 đã giao từ nguồn vốn các dự án khác như: Vốn TPCQP am đang và dự KI trong hạn 2021-2025 là 70 tỷ đồng đã bố trí vốn ngân sách tỉnh ngoài của dự án năm 2021 là 257.216 tỷ đồng; bố sung năm 2021 là 310.173 tỷ đồng; đầu của của bố sung ngoài của dự án 132.612 tỷ đồng sẽ bố sung từ nguồn KI dự, các khoản chi và vượt thu khác từ ngân sách tỉnh			
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Bó Hạ qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế đi trường Cao đẳng Nghệ Đông Bắc	UBND huyện Yên Thế	2022-2025	2307/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	260.000	260.000							133.800	133.800	101.000	101.000					Bổ trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại			
4	Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT295 đến QL37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2022-2025 (chuyển năm 2023 KCM)	3243/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	126.575	126.575				1223/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	111.710	111.710				26.600	26.600	81.000	45.000	36.000	36.000			
5	Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thương và đoạn thị trấn Cao Thương đi cầu Bi Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2023-2026	1116/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	175.300	175.300								70.600	70.600	25.000		25.000	25.000			KH năm 2023 được bổ sung từ nguồn vượt thu 2022 chuyển sang năm 2023 là 70.000 triệu đồng; KH 2024 là: trị bằng số vốn trung hạn còn lại 25 tỷ đồng		
6	Xây dựng cầu Đông Sơn trên địa bàn huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2023-2025	1076/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	75.000	75.000								25.000	25.000	38.000		38.000	38.000			KH năm 2023 được bổ sung từ nguồn vượt thu 2022 chuyển sang năm 2023 là 24.700 triệu đồng; KH vốn 2024 có nhu cầu là 38 tỷ đồng là hoàn thành dự án		
7	Xây dựng cầu vượt dân sinh vượt cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, xã Vân Trung, huyện Việt Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2023-2025	1178/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	45.109	45.109								13.000	13.000	27.000		27.000	27.000			KH năm 2023 được bổ sung từ nguồn vượt thu 2022 chuyển sang năm 2023 là 12.750 triệu đồng; KH vốn 2024 có nhu cầu là 27 tỷ đồng là hoàn thành dự án		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú					
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó				Vốn xố số kiến thiết				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)					Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số			Vốn CDNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất		
																								Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)
8	Đường kết nối từ ĐT.292 qua Khu công nghiệp An Hà, huyện Lang Giang đến đường vành đai Đông Bắc, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Lang Giang	2022-2025	2578/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	409.957	409.957				1290/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	409.957	204.979				51.650	29.650	82.432	19.350	63.082	63.082		Ngân sách tỉnh đầu tư 50% TMBT dự án			
*	<b>Hỗ trợ ngân sách các huyện</b>				<b>843.013</b>	<b>374.511</b>									<b>286.000</b>	<b>286.000</b>	<b>88.511</b>		<b>88.511</b>	<b>88.511</b>						
-	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện Hiệp Hòa</b>																									
1	Xây dựng tuyến đường trục Bắc Nam, huyện Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Hiệp Hòa	2021-2024	2869/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa	482.964	150.000									115.000	115.000	35.000		35.000	35.000			Thực hiện hỗ trợ ngân sách huyện hết số vốn trung hạn 2021-2025 ngân sách tỉnh còn lại			
-	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện Lục Nam</b>																									
1	Xây dựng tuyến đường nối từ QL37 đi QL31 (Đoạn từ cầu Sen đi cầu Giã Khê), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	2022-2025	14838/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Lục Nam	220.300	110.000									85.000	85.000	25.000		25.000	25.000			KH năm 2024 hỗ trợ ngân sách huyện hết số vốn trung hạn 2021-2025 ngân sách tỉnh còn lại			
-	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện Sơn Động</b>																									
1	Đường từ QL31 vào khu du lịch sinh thái Khe Rồ, xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Sơn Động	2022-2025	5122/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Động	94.749	76.000									56.000	56.000	20.000		20.000	20.000			KH năm 2024 hỗ trợ ngân sách huyện hết số vốn trung hạn 2021-2025 ngân sách tỉnh còn lại			
2	Xây dựng cầu thôn Trại Chùa đi Khe Tàu, xã Yên Định, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	2023-2025	1691/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Động	45.000	38.511									30.000	30.000	8.511		8.511	8.511			KH năm 2024 hỗ trợ ngân sách huyện hết số vốn trung hạn 2021-2025 ngân sách tỉnh còn lại			
VI	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ PINT</b>				<b>23.250</b>	<b>23.250</b>									<b>10.200</b>	<b>10.200</b>	<b>10.900</b>		<b>10.900</b>	<b>10.900</b>						
*	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>				<b>23.250</b>	<b>23.250</b>									<b>10.200</b>	<b>10.200</b>	<b>10.900</b>		<b>10.900</b>	<b>10.900</b>						



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)				Vốn ODA	Vốn khác	Vốn CDNS tỉnh	Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn xố số kiến thiết	
																				Tổng số		Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)		Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)
1	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước gồm các hồ: Cẩm Sơn, Khuôn Thân, Suối Nứa, đập dâng Cầu Sơn	Công ty TNHH MTV KTCCTL Bắc Sông Thương	2021-2023; điều chỉnh 2022-2024	509/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	23.250	23.250							10.200	10.200	10.900		10.900	10.900				Bố trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại		
<b>VII</b>	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH</b>				<b>580.729</b>	<b>580.729</b>							<b>227.700</b>	<b>227.700</b>	<b>268.900</b>	<b>25.000</b>	<b>243.900</b>	<b>243.900</b>						
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024				<b>39.960</b>	<b>39.960</b>							<b>15.300</b>	<b>15.300</b>	<b>20.900</b>		<b>20.900</b>	<b>20.900</b>						
1	Đầu tư hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao phục vụ chuyển đổi số của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	2023-2024	3467/QĐ-UBND, 23/12/2022	39.960	39.960							15.300	15.300	20.900		20.900	20.900				Bố trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại		
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				<b>540.769</b>	<b>540.769</b>							<b>212.400</b>	<b>212.400</b>	<b>248.000</b>	<b>25.000</b>	<b>223.000</b>	<b>223.000</b>						
1	Đầu tư Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Triển lãm tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	2659/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	540.769	540.769							212.400	212.400	248.000	25.000	223.000	223.000						
<b>VIII</b>	<b>LĨNH VỰC Y TẾ</b>				<b>835.712</b>	<b>397.413</b>	<b>263.000</b>						<b>84.848</b>	<b>13.916</b>	<b>70.932</b>							<b>28.000</b>		
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024				<b>731.492</b>	<b>347.693</b>	<b>263.000</b>						<b>436.000</b>	<b>143.500</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>								
1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2024	2262/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	219.708	219.708							141.900	141.900	60.000	60.000							KH vốn 2024 có nhu cầu là 60 tỷ đồng là hoàn thành dự án	
2	Xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2024	2263/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	205.146	84.347							149.900	400	6.500	6.500							Bố trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó				Vốn xố số kiến thiết		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)					Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số			Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)
3	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	3294/QĐ-UBND, 28/11/2022	120.638	20.638	100.000							50.500	500	15.500	15.500					NSTW 2023-2024 bố trí đủ vốn trung hạn được giao; KH năm 2024 NST tỉnh bố trí bằng KH trung hạn còn lại		
4	Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	3465/QĐ-UBND, 22/12/2022	186.000	23.000	163.000							93.700	700	18.000	18.000					NSTW 2023-2024 bố trí đủ vốn trung hạn được giao; KH năm 2024 NST tỉnh bố trí bằng KH trung hạn còn lại		
*	<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>				<b>43.575</b>	<b>43.575</b>								<b>200</b>	<b>200</b>	<b>38.000</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>				<b>28.000</b>		
1	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang	2024-2025	1799/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	43.575	43.575								200	200	38.000		10.000	10.000			28.000	Do dự án đặc thù MSTTB y tế nên bố trí đủ trung hạn để thực hiện việc hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng	
*	<b>Đối ứng dự án ODA thuộc lĩnh vực y tế</b>				<b>60.645</b>	<b>6.145</b>				<b>84.848</b>	<b>13.916</b>	<b>70.932</b>		<b>38.066</b>	<b>2.600</b>	<b>9.000</b>	<b>9.000</b>							
1	Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các Trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mang lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tại tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2021-2025	2564/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	60.645	6.145				567/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	84.848	13.916	70.932			38.066	2.600	9.000	9.000					Đối ứng dự án sử dụng vốn ODA thuộc CTMTQG Nông thôn mới
<b>IX</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>				<b>417.931</b>	<b>365.931</b>	<b>52.000</b>							<b>169.446</b>	<b>117.446</b>	<b>52.000</b>								
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>				<b>167.446</b>	<b>115.446</b>	<b>52.000</b>							<b>169.446</b>	<b>117.446</b>	<b>52.000</b>								
1	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, DTNT trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2024	2264/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	105.446	105.446				841/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	105.446	105.446				94.350	94.350	5.500	5.500					Bố trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú									
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó				Vốn xố số kiến thiết								
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)					Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số			Vốn CDNS tỉnh	Tổng số	Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư và Quỹ phát triển đất tỉnh (*)		Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)			
2	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Xuân Cẩm, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Hoàng An, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2022-2025	2295/QĐ-UBND ngày 12/11/2021;	62.000	10.000	52.000				298/QĐ-UBND, 02/3/2023; 948/QĐ-UBND, 01/7/2023	64.000	12.000	52.000				52.300	300	7.000	7.000						Bố trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại ngân sách tỉnh			
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</b>				<b>205.633</b>	<b>205.633</b>												<b>85.900</b>	<b>85.900</b>	<b>89.600</b>	<b>89.600</b>									
1	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	2912/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	70.996	70.996												27.400	27.400	33.000	33.000							Bố trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại		
2	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Lạng Giang, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	3356/QĐ-UBND ngày 03/12/2022	134.637	134.637												58.500	58.500	56.600	56.600							Bố trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại		
*	<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>				<b>44.852</b>	<b>44.852</b>													<b>300</b>	<b>300</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>								
1	Xây dựng cơ sở vật chất Trường THPT Chuyên Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2024-2026	1802/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	44.852	44.852												300	300	15.000	15.000									
X	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>				<b>706.973</b>	<b>706.973</b>												<b>222.000</b>	<b>222.000</b>	<b>381.000</b>	<b>8.000</b>	<b>373.000</b>	<b>373.000</b>							
*	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau 2024</b>				<b>698.000</b>	<b>698.000</b>													<b>221.800</b>	<b>221.800</b>	<b>373.000</b>		<b>373.000</b>	<b>373.000</b>						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó				Vốn xố số kiến thiết	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)					Vốn ODA	Vốn khác	Vốn bổ sung cho đầu tư nguồn thu tiền sử dụng đất			Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất để lại các huyện, thành phố (bao gồm cả cấp xã)
1.1	Xây dựng Tòa nhà Liên cơ quan mới tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	3097/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	698.000	698.000								221.800	221.800	373.000		373.000	373.000				
*	<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>				<b>8.973</b>	<b>8.973</b>								<b>200</b>	<b>200</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>						
1.1	Nhà làm việc và khu trưng bày giới thiệu sản phẩm Hợp tác xã của Trung tâm hỗ trợ phát triển Hợp tác xã trực thuộc Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2025	275/QĐ-SXD ngày 24/10/2023	8.973	8.973								200	200	8.000	8.000						Bổ trí bằng vốn trung hạn đã giao
XI	<b>LĨNH VỰC ANQP</b>													<b>19.412</b>	<b>19.412</b>	<b>96.556</b>	<b>74.818</b>	<b>21.738</b>	<b>21.738</b>				
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>													<b>18.612</b>	<b>18.612</b>	<b>31.556</b>	<b>9.818</b>	<b>21.738</b>	<b>21.738</b>				
1	XD HTU CAT	Bộ CHQS tỉnh												18.612	18.612	21.738		21.738	21.738				Bổ trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại
2	Hỗ trợ GPMB Dự án XDCT CS làm việc CAH Lục Nam thuộc CAT Bắc Giang	Công an tỉnh														9.818	9.818						Bổ trí bằng số vốn trung hạn và thực hiện hoàn trả vốn đã ứng BTGPMB qua quỹ phát triển đất tỉnh (CV 92/TB-QĐ/TT, 21/11/2023)
*	<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>													<b>800</b>	<b>800</b>	<b>65.000</b>	<b>65.000</b>						
1	Xây dựng TS làm việc CAT Bắc Giang (GD3)	Công an tỉnh												800	800	65.000	65.000						
XII	<b>Bổ sung Vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Bắc Giang</b>	Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bắc Giang thuộc Liên minh HTX tỉnh Bắc Giang	2021-2025	78/QĐ-UBND, 17/01/2023; 545/QĐ-UBND, 24/5/2023	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>								<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>						Bổ trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó				Vốn xố số kiến thiết
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)					Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số		
<b>B</b>	<b>TỔNG VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>													<b>17.420.000</b>	<b>4.963.500</b>	<b>6.600.000</b>		<b>6.600.000</b>	<b>2.783.000</b>	<b>3.817.000</b>		Số thu tiền đất năm 2024 theo số vốn giao tại QĐ 1603/QĐ-TTg 11/12/2023 và sau khi đã trừ đi số tiền ghi thu - ghi chi tiền địa ngân sách cấp tỉnh; tỷ lệ điều tiết theo Sơ Tài chính tham mưu đề xuất
	Thành phố Bắc Giang													5.960.000		2.000.000		2.000.000	1.050.000	950.000		
	Huyện Việt Yên													3.700.000		1.600.000		1.600.000	670.000	930.000		
	Huyện Hiệp Hòa													1.100.000		350.000		350.000	86.000	264.000		
	Huyện Yên Dũng													1.755.000		500.000		500.000	220.000	280.000		
	Huyện Lạng Giang													1.880.000		700.000		700.000	325.000	375.000		
	Huyện Tân Yên													950.000		550.000		550.000	130.000	420.000		
	Huyện Yên Thế													270.000		100.000		100.000	32.500	67.500		
	Huyện Lục Nam													1.295.000		600.000		600.000	247.000	353.000		
	Huyện Lục Ngạn													450.000		170.000		170.000	19.500	150.500		
	Huyện Sơn Động													60.000		30.000		30.000	3.000	27.000		
<b>I</b>	<b>TRÍCH QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH; QUỸ ĐẦU TƯ; ĐIỀU TIẾT NS TỈNH ĐỂ CHI BT GPMB VÀ BỔ SUNG CHO ĐẦU TƯ</b>															<b>2.783.000</b>		<b>2.783.000</b>	<b>2.783.000</b>			
	<i>Trong đó:</i>																					
<b>1</b>	<b>Trích lập quỹ phát triển đất</b>		<b>2024</b>											<b>285.295</b>	<b>285.295</b>	<b>205.300</b>		<b>205.300</b>	<b>205.300</b>			Tỷ lệ điều tiết 3,26% tổng thu là 5.870 tỷ đồng sau khi trừ đi số ghi thu - ghi chi đã thực hiện (số liệu do căn đối thu - chi năm 2024 của Sơ Tài chính tham mưu)
<b>2</b>	<b>Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh</b>		<b>2024</b>	NQ 57/NQ-HĐND ngày 10/12/202; QĐ 1519/QĐ-UBND ngày 25/12/2021																		

STT	Dan h mục dự án	Chú đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu					Quyết định đầu tư điều chỉnh					Lũy kế kế hoạch vốn đã bố hết năm 2023 (bao gồm cả vốn CBĐT)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024					Chú chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Vốn CDNS tỉnh	Trong đó				Vốn xố số kiến thiết
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Vốn ODA		Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)					Vốn ODA	Vốn khác	Tổng số		
3	Kinh phí sử dụng đất thực hiện ghi thu - ghi chi (nội dung đã thực hiện) BTGPMB																730.000		730.000	730.000		Số Tài chính tham mưu nói đang BT GPMB (nội dung đã thực hiện)
4	Bổ sung cho đầu tư cho các dự án cấp thiết của tỉnh		2023														1.847.700		1.847.700	1.847.700		Chi tiết cho các dự án tại cột KH 2024 (*)
II	VỐN TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐỂ ĐẦU TƯ																12.456.500		3.817.000	3.817.000	3.817.000	
1	Thành phố Bắc Giang																3.647.000	950.000	950.000	950.000		
2	Huyện Việt Yên																2.750.000	930.000	930.000	930.000		
3	Huyện Hiệp Hòa																900.000	264.000	264.000	264.000		
4	Huyện Yên Dũng																1.309.000	280.000	280.000	280.000		
5	Huyện Lạng Giang																1.383.000	375.000	375.000	375.000		
6	Huyện Tân Yên																765.000	420.000	420.000	420.000		
7	Huyện Yên Thế																243.000	67.500	67.500	67.500		
8	Huyện Lục Nam																1.011.000	353.000	353.000	353.000		
9	Huyện Lục Ngạn																394.500	150.500	150.500	150.500		
10	Huyện Sơn Động																54.000	27.000	27.000	27.000		

**Biểu số 3a**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024 TỈNH BẮC GIANG**  
(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ			Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước
	<b>TỔNG SỐ</b>				5.145.117	861.867	4.248.207		3.303.820	646.977	2.595.593	3.902.090		3.516.872		220.120	220.120		
A	<b>VỐN HỖ TRỢ MỤC TIÊU THEO TIÊU THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỦA TỈNH</b> (theo tiêu chí tính điểm cho tỉnh)				3.692.402	509.152	3.148.207		3.303.820	646.977	2.595.593	2.802.090		2.416.872		220.120	220.120		
I	<b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG</b>				2.688.838	85.680	2.568.114		2.577.204	579.877	1.936.077	1.994.290		1.725.872		133.320	133.320		
1	<b>Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</b>				1.348.823	60.814	1.287.964		1.348.823	113.536	1.235.287	1.140.500		1.133.407		7.093	7.093		
1.1	Cải tạo, nâng cấp ĐT292 (đoạn từ cầu Bô Hạ đến thị trấn Phồn Xương) huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	2458/QĐ-UBND, 10/12/2020; 2557/QĐ-UBND, 24/12/2020	158.087		157.487	1202/QĐ-UBND ngày 17/8/2023	158.087	8.787	149.300	133.300		133.300					KH trung hạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh tăng NSTW tại CV 82/UBND-TH ngày 25/4/2023 để hoàn thành dự án
1.2	Xây dựng đường và cầu kết nối huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với thị xã Phồ Yên, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ QL37 đến cầu Hòa Sơn)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	2438/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	543.143	2.000	541.143	450/QĐ-UBND ngày 29/3/2022; 1162/QĐ-UBND ngày 08/8/2023	543.143	47.217	495.926	459.600		459.600					KH trung hạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh tăng NSTW tại CV 82/UBND-TH ngày 25/4/2023 để hoàn thành dự án





STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ			Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước
3.1	Xây dựng cầu Đèo Gia đi Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Lục Ngạn	2024-2026	1437/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	172.177	19.177	153.000					153.000				17.901	17.901		Đề xuất điều chỉnh giảm KH trung hạn 2021-2025 của dự án là 49.070,287 để thu hồi các khoản vốn đã ứng trước chưa có trong KH trung hạn để thực hiện thu hồi tại CV 253/UBND-TH ngày 29/8/2023; số vốn còn lại tiếp tục khởi công dự án và chuyển tiếp sang giai đoạn sau
II	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ PTNT</b>				72.525	12.525	60.000		63.682	12.682	51.000	51.000		37.000		14.000	14.000		
1	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024				72.525	12.525	60.000		63.682	12.682	51.000	51.000		37.000		14.000	14.000		
*	<i>Các dự án lâm nghiệp</i>																		
1.1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang.	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Giang	2021-2024	1605/QĐ-UBND, 29/7/2021	72.525	12.525	60.000	1530/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	63.682	12.682	51.000	51.000		37.000		14.000	14.000		Bỏ trị hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại
III	<b>LĨNH VỰC Y TẾ</b>				495.411	374.612	120.800		290.265	16.365	273.900	364.700		339.900		24.800	24.800		
1	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024				495.411	374.612	120.800		290.265	16.365	273.900	364.700		339.900		24.800	24.800		



STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ			Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước
1.1	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế tại tỉnh Bắc Giang	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2019-2024	1740/QĐ-UBND, 31/10/2016; 1439/QĐ-UBND ngày 28/8/2019	98.353	18.353	80.000	3237/QĐ-UBND, 14/11/2022	133.000	5.723	127.277	108.000			90.000		18.000	18.000	Bổ trí hết số vốn trung hạn 2021-2025 còn lại
V	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>				<b>121.982</b>	<b>1.982</b>	<b>120.000</b>		<b>121.982</b>	<b>19.982</b>	<b>102.000</b>	<b>102.000</b>		<b>102.000</b>					
I	<b>Các dự án chuyên tiếp hoàn thành năm 2024</b>				<b>121.982</b>	<b>1.982</b>	<b>120.000</b>		<b>121.982</b>	<b>19.982</b>	<b>102.000</b>	<b>102.000</b>		<b>102.000</b>					
1.1	Xây dựng khu giảng đường phục vụ học lý thuyết và chương trình giáo dục thường xuyên; Nhà ký túc xá số 2 Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn	Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	2021-2024	1318/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	121.982	1.982	120.000		121.982	19.982	102.000	102.000		102.000					Đã bố trí đủ KH vốn trung hạn được giao, do thực hiện điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn năm 2023 là 22 tỷ đồng tại QĐ 1027/QĐ-UBND ngày 19/9/2023
VI	<b>LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>				<b>100.000</b>	<b>15.000</b>	<b>85.000</b>					<b>85.000</b>		<b>30.000</b>		<b>25.000</b>	<b>25.000</b>		
I	<b>Các dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2024</b>				<b>100.000</b>	<b>15.000</b>	<b>85.000</b>					<b>85.000</b>		<b>30.000</b>		<b>25.000</b>	<b>25.000</b>		
1.1	Xây dựng trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025 (chuyển năm 2023 KCM)	3253/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	100.000	15.000	85.000					85.000		30.000		25.000	25.000		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ			Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước
VII	<b>ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH ATK</b>				<b>115.293</b>	<b>1.000</b>	<b>114.293</b>		<b>117.688</b>	<b>12.349</b>	<b>105.339</b>	<b>97.100</b>		<b>92.100</b>		<b>5.000</b>	<b>5.000</b>		
I	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>				<b>115.293</b>	<b>1.000</b>	<b>114.293</b>		<b>117.688</b>	<b>12.349</b>	<b>105.339</b>	<b>97.100</b>		<b>92.100</b>		<b>5.000</b>	<b>5.000</b>		
1.1	Tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Văn, Xuân Cẩm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2021-2024	2190/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	59.954	500	59.454	1959/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	59.954	9.454	50.500	50.500		45.500		5.000	5.000		Gia hạn thời gian thực hiện dự án và đảm bảo dự án nhóm B 04 năm
1.2	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc các xã: Thanh Vân, Mai Trung, Quang Minh, Mai Đình, Hoàng Thanh, Hoàng Văn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	2021-2024	2191/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	55.339	500	54.839	1546/QĐ-UBND ngày 14/10/2023	57.734	2.895	54.839	46.600		46.600					KH trung hạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh tăng NSTW tại CV 82/UBND-TH ngày 25/4/2023 để hoàn thành dự án
<b>B</b>	<b>NHỮNG DỰ ÁN CẤP THIẾT MANG TÍNH CHẤT KẾT NỐI LIÊN VÙNG VÀ HỖ TRỢ KHÁC TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>				<b>1.452.715</b>	<b>352.715</b>	<b>1.100.000</b>					<b>1.100.000</b>		<b>1.100.000</b>					
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG</b>				<b>1.452.715</b>	<b>352.715</b>	<b>1.100.000</b>					<b>1.100.000</b>		<b>1.100.000</b>					
<b>1</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>				<b>1.452.715</b>	<b>352.715</b>	<b>1.100.000</b>					<b>1.100.000</b>		<b>1.100.000</b>					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 theo Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ			Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao		Trong đó: Đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh		Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NSTW (gồm: NSTW, TPCP)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số
1.1	Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh	2021-2024	1065/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	1.452.715	352.715	1.100.000				1.100.000			1.100.000				NSTW đã bố trí đủ vốn trung hạn được giao; KH năm 2024 NST tỉnh bố trí bằng KH trung hạn còn lại - Biểu số 02 NST

**Biểu số 3b**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI; BỔ SUNG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN 2021-2025 TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024 TỈNH BẮC GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí hết năm 2023					Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024		Ghi chú		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số		Trong đó: NSTW	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW	Ngân sách tỉnh				NSTW
	<b>TỔNG SỐ</b>															
					537.117	447.000	480.500	33.500	447.000	237.350	2.350	235.000	200.500	167.000		
<b>I</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI</b>				428.578	377.000	410.500	33.500	377.000	236.850	1.850	235.000	175.500	142.000		
1	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giao dục nghề nghiệp				77.000	70.000	70.000		70.000	48.450	450	48.000	22.000	22.000		
*	<i>Các dự án hoàn thành năm 2024</i>				77.000	70.000	70.000		70.000	48.450	450	48.000	22.000	22.000		
1.1	Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy nghề trọng điểm Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	Trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	2022-2024	3499/QĐ-UBND, 27/12/2022	77.000	70.000	70.000		70.000	48.450	450	48.000	22.000	22.000		
2	Lĩnh vực y tế				351.578	307.000	340.500	33.500	307.000	188.400	1.400	187.000	153.500	120.000		
*	<i>Các dự án hoàn thành sau năm 2024</i>				306.638	263.000	296.500	33.500	263.000	144.200	1.200	143.000	153.500	120.000		
2.1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	3294/QĐ-UBND, 28/11/2022	120.638	100.000	115.500	15.500	100.000	50.500	500	50.000	65.500	50.000	KH năm 2024 NS tỉnh bố trí bằng KH trung hạn còn lại - Biểu số 02 NST	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí hết năm 2023			Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024		Ghi chú				
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Ngân sách tỉnh		NSTW				Ngân sách tỉnh	NSTW
2.2	Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022-2025	3465/QĐ-UBND, 22/12/2022	186.000	163.000	181.000	18.000	163.000	93.700	700	93.000	88.000	70.000	KH năm 2024 NS tỉnh bố trí bằng KH trung hạn còn lại - Biểu số 02 NST	
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2024</i>				<b>44.940</b>	<b>44.000</b>	<b>44.000</b>		<b>44.000</b>	<b>44.200</b>	<b>200</b>	<b>44.000</b>				
2.3	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2023-2024	417/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	44.940	44.000	44.000		44.000	44.200	200	44.000			Đã được giao KH trung hạn 2021-2025; Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trình phân bổ KH vốn năm 2023 là 44 tỷ đồng	
<b>II</b>	<b>BỔ SUNG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN 2021-2025 TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>				<b>108.539</b>	<b>70.000</b>	<b>70.000</b>		<b>70.000</b>	<b>500</b>	<b>500</b>		<b>25.000</b>	<b>25.000</b>		
<b>1</b>	<b>Lĩnh vực văn hoá</b>															
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2024</i>				<b>108.539</b>	<b>70.000</b>	<b>70.000</b>		<b>70.000</b>	<b>500</b>	<b>500</b>		<b>25.000</b>	<b>25.000</b>		
1.1	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2023-2025	1900/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	108.539	70.000	70.000		70.000	500	500		25.000	25.000	Đã được giao KH trung hạn 2021-2025	

**Biểu số 3c**

**KẾ HOẠCH VỐN 3 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024 TỈNH BẮC GIANG**

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2023							Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn năm 2024						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:									
			Vốn ngân sách trung ương		Vốn ngân sách tỉnh			Vốn ngân sách trung ương		Vốn ngân sách tỉnh			Vốn ngân sách trung ương		Vốn ngân sách tỉnh							
			Đầu tư phát triển		Sự nghiệp			Đầu tư phát triển		Sự nghiệp			Đầu tư phát triển		Sự nghiệp							
Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp					
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.009.787</b>	<b>1.025.433</b>	<b>35.466</b>	<b>629.484</b>		<b>290.200</b>	<b>29.204</b>	<b>2.788.235</b>	<b>2.131.703</b>	<b>70.932</b>		<b>585.600</b>		<b>1.231.457</b>	<b>548.784</b>	<b>28.373</b>	<b>436.436</b>		<b>175.000</b>	<b>42.864</b>	
	<i>Trong đó:</i>																					
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	431.613	215.102		172.952		25.000	18.559	413.908	368.908			45.000		279.862	103.496		118.382		20.000	37.984	Vốn ĐTPT ngân sách tỉnh Biểu số 02
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	748.684	349.021		314.663		80.000	5.000	1.018.063	791.063			227.000		586.184	225.623		263.061		95.000	2.500	Vốn ĐTPT ngân sách tỉnh Biểu số 02
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	829.490	461.310	35.466	141.869		185.200	5.645	1.356.264	971.732	70.932		313.600		365.411	219.665	28.373	54.993		60.000	2.380	Vốn nước ngoài tại biểu số 04; vốn ĐTPT ngân sách tỉnh Biểu số 02



**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2024 TỈNH BẮC GIANG**  
(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu						Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025							Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024			Ghi chú				
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022, 2023			Trong đó:							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số	Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương		Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
						Vốn ngân sách tỉnh	Quy đổi ra tiền Việt		Vốn cân đối ngân sách tỉnh						Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước						Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách Trung ương	Vốn ODA do tỉnh vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước
							Tổng số	Vay lại																
<b>TỔNG SỐ</b>				84.848	13.916	13.916	70.932		70.932	84.532	13.600	70.932		37.766	2.300	35.466		37.373	9.000	28.373				
1	Xây mới, sửa chữa, nâng cấp các Trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tại tỉnh Bắc Giang (Vốn thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới)	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2021-2025	2564/QĐ-UBND ngày 25/12/2020; 567/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	84.848	13.916	13.916	70.932		70.932	84.532	13.600	70.932		37.766	2.300	35.466		37.373	9.000	28.373	Thuộc CTMTQG xây dựng NTM tại Biểu số 3C		

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	<b>Tổng số</b>	<b>983.900</b>	<b>243.100</b>	<b>596.000</b>	<b>144.800</b>
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>	<b>250.300</b>	<b>105.500</b>		<b>144.800</b>
1	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Lục Nam	60.000	60.000		
2	Xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Yên Thế	31.300	6.500		24.800
3	Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh Trung tâm y tế huyện Sơn Động	65.500	15.500		50.000
4	Đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang	88.000	18.000		70.000
5	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, DTNT trên địa bàn huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	5.500	5.500		
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</b>	<b>710.600</b>	<b>114.600</b>	<b>596.000</b>	
1	Đầu tư Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Triển lãm tỉnh Bắc Giang	248.000	25.000	223.000	
2	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	33.000	33.000		
3	Xây dựng cơ sở vật chất một số trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn huyện Lạng Giang, huyện Yên Thế	56.600	56.600		
4	Xây dựng Tòa nhà Liên cơ quan mới tỉnh Bắc Giang	373.000		373.000	
*	<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>	<b>23.000</b>	<b>23.000</b>		
1	Xây dựng cơ sở vật chất Trường THPT Chuyên Bắc Giang	15.000	15.000		
2	Nhà làm việc và khu trưng bày giới thiệu sản phẩm Hợp tác xã của Trung tâm hỗ trợ phát triển Hợp tác xã trực thuộc Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bắc Giang	8.000	8.000		

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLDA ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG, NÔNG NGHIỆP TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	<b>Tổng số</b>	<b>885.438</b>	<b>59.800</b>	<b>780.969</b>	<b>44.668</b>
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>	<b>246.895</b>	<b>14.800</b>	<b>225.002</b>	<b>7.093</b>
1	Đường nối QL37 - QL17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	134.800	14.800	120.000	
2	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT293 đến QL17, tỉnh Bắc Giang	105.002		105.002	
3	Cải tạo, nâng cấp ĐT291 trên địa bàn huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	7.093			7.093
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</b>	<b>638.542</b>	<b>45.000</b>	<b>555.967</b>	<b>37.575</b>
1	Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, tỉnh Bắc Giang	32.000		32.000	
2	Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	397.967		397.967	
3	Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT295 đến QL37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	81.000	45.000	36.000	
4	Đầu tư xây dựng ĐT.295 đoạn cầu Bến Tuần đi thị trấn Cao Thượng và đoạn thị trấn Cao Thượng đi cầu Bi Nội, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	25.000		25.000	
5	Xây dựng cầu Đông Sơn trên địa bàn huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	38.000		38.000	
6	Xây dựng cầu vượt dân sinh vượt cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, xã Vân Trung, huyện Việt Yên	27.000		27.000	
7	Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - QL31 - QL1 và tuyến nhánh hồ Suối Nứa - Khuôn Thân trên địa bàn huyện Lục Nam và Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	37.575			37.575

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Vốn ngân sách Trung ương)
	<b>Tổng số</b>	<b>43.000</b>
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>	<b>18.000</b>
1	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế tại tỉnh Bắc Giang	18.000
*	<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>	<b>25.000</b>
1	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm	25.000

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất)
	<b>Tổng số</b>	<b>20.900</b>
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>	<b>20.900</b>
1	Đầu tư hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công nghệ cao phục vụ chuyển đổi số của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang	20.900

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất)
	<b>Tổng số</b>	<b>21.738</b>
*	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>	<i>21.738</i>
1	XD HTU CAT	21.738

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG AN TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Vốn cân đối ngân sách tỉnh)
	<b>Tổng số</b>	<b>74.818</b>
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>	<b>9.818</b>
1	Hỗ trợ GPMB Dự án XDCT CS làm việc CAH Lục Nam thuộc CAT Bắc Giang	9.818
*	<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>	<b>65.000</b>
1	Xây dựng TS làm việc CAT Bắc Giang (GD3)	65.000

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Vốn ngân sách Trung ương)
	Tổng số	25.000
*	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>	25.000
1	Xây dựng trung tâm dữ liệu chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025	25.000



## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Vốn ngân sách Trung ương)
	Tổng số	14.000
*	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>	14.000
1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang.	14.000

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: BỆNH VIỆN UNG BƯỞU TỈNH BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024		
		Tổng số	Trong đó:	
			Vốn xố số kiến thiết	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	<b>Tổng số</b>	<b>38.000</b>	<b>28.000</b>	<b>10.000</b>
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2024</i>	<i>38.000</i>	<i>28.000</i>	<i>10.000</i>
1	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang	38.000	28.000	10.000

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VIỆT - HÀN BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Vốn ngân sách Trung ương)
	<b>Tổng số</b>	<b>22.000</b>
*	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</b>	<b>22.000</b>
1	Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy nghề trọng điểm Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt – Hàn Bắc Giang	22.000

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL BẮC SÔNG THƯƠNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất)
	Tổng số	10.900
*	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024</i>	10.900
1	Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước gồm các hồ: Cấm Sơn, Khuôn Thần, Suối Nứa, đập dâng Cầu Sơn	10.900

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### CHỦ ĐẦU TƯ: QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 (Vốn cân đối ngân sách tỉnh)
	<b>Tổng số</b>	<b>5.000</b>
1	Bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Bắc Giang	5.000

## KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### GIAO UBND THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng số		255.000			198.276		2.008.900	5.900	2.003.000	
I	Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh		150.000			149.276		5.900	5.900		
II	Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025		105.000			49.000		3.000		3.000	
III	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất <sup>(1)</sup>							2.000.000		2.000.000	

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XDCB.

## KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### GIAO UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	<b>Tổng số</b>			<b>297.361</b>	<b>255.094</b>		<b>283.753</b>	<b>250.812</b>	<b>101.711</b>	<b>13.800</b>	<b>87.911</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư các dự án</b>			<b>139.848</b>	<b>114.511</b>		<b>139.749</b>	<b>114.511</b>	<b>28.511</b>		<b>28.511</b>
*	<i>Dự án chuyển tiếp:</i>			<i>139.848</i>	<i>114.511</i>		<i>139.749</i>	<i>114.511</i>	<i>28.511</i>		<i>28.511</i>
1	Đường từ QL31 vào khu du lịch sinh thái Khe Rỗ, xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Sơn Động	20/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	94.848	76.000	5122/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	94.749	76.000	20.000		20.000
2	Xây dựng cầu thôn Trại Chùa đi Khe Tấu, xã Yên Định, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	967/QĐ-UBND ngày 02/12/2022; 206/QĐ-UBND ngày 13/4/2023	45.000	38.511	1691/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	45.000	38.511	8.511		8.511
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh</b>			<b>64.583</b>	<b>64.583</b>		<b>64.301</b>	<b>64.301</b>	<b>13.800</b>	<b>13.800</b>	
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>			<b>13.000</b>	<b>4.000</b>				<b>4.000</b>		<b>4.000</b>
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024 (Theo Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh)</b>			<b>79.930</b>	<b>72.000</b>		<b>79.703</b>	<b>72.000</b>	<b>25.400</b>		<b>25.400</b>

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
V	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất <sup>(1)</sup>								30.000		30.000

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XDCB.



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO UBND HUYỆN LỤC NGẠN**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>			
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó:		
												Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	<b>Tổng số</b>			261.595	66.000	153.000		288.132	41.437	153.000	275.701	16.300	241.500	17.901
I	Các dự án do cấp tỉnh quản lý			180.000	27.000	153.000		172.177	19.177	153.000	17.901			17.901
*	<i>Dự án khởi công mới:</i>			180.000	27.000	153.000		172.177	19.177	153.000	17.901			17.901
1	Xây dựng cầu Đèo Gia đi Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Lục Ngạn	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021; 19/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	180.000	27.000	153.000	1437/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	172.177	19.177	153.000	17.901			17.901
II	Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh							93.000	22.260		16.300	16.300		
III	Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)			52.195	14.000						14.000		14.000	
IV	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024 (Theo Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh)			29.400	25.000			22.955			7.500		7.500	
VI	Hỗ trợ kinh phí huyện Lục Ngạn theo Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn.										50.000		50.000	
VI	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất <sup>(1)</sup>										170.000		170.000	

*Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.*

*(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XDCCB.*

## KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### GIAO UBND HUYỆN LỤC NAM

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	<b>Tổng số</b>			<b>387.800</b>	<b>193.500</b>		<b>295.036</b>	<b>166.500</b>	<b>662.300</b>	<b>12.600</b>	<b>649.700</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư các dự án</b>			<b>220.300</b>	<b>110.000</b>		<b>220.300</b>	<b>110.000</b>	<b>25.000</b>		<b>25.000</b>
*	<i>Dự án chuyển tiếp:</i>			<i>220.300</i>	<i>110.000</i>		<i>220.300</i>	<i>110.000</i>	<i>25.000</i>		<i>25.000</i>
1	Xây dựng tuyến đường nối từ QL37 đi QL31 (đoạn từ cầu Sen đi cầu Giã Khê), thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Nam	66/NQ-HĐND ngày 06/8/2021	220.300	110.000	14838/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	220.300	110.000	25.000		25.000
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh</b>			<b>70.800</b>	<b>31.500</b>		<b>28.434</b>	<b>15.500</b>	<b>12.600</b>	<b>12.600</b>	
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>			<b>48.500</b>	<b>11.000</b>				<b>11.000</b>		<b>11.000</b>
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình ngầm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2022-2024 (Theo Kế hoạch số 511/KH-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh)</b>			<b>48.200</b>	<b>41.000</b>		<b>46.302</b>	<b>41.000</b>	<b>13.700</b>		<b>13.700</b>
<b>V</b>	<b>Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất<sup>(1)</sup></b>								<b>600.000</b>		<b>600.000</b>

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XDCB.

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO UBND HUYỆN YÊN THẾ**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	<b>Tổng số</b>			<b>357.384</b>	<b>306.715</b>		<b>331.768</b>	<b>285.135</b>	<b>212.900</b>	<b>111.900</b>	<b>101.000</b>
<b>I</b>	<b>Các dự án cấp tỉnh quản lý</b>			<b>280.580</b>	<b>280.580</b>		<b>260.000</b>	<b>260.000</b>	<b>101.000</b>	<b>101.000</b>	
*	<i>Dự án chuyển tiếp:</i>			<b>280.580</b>	<b>280.580</b>		<b>260.000</b>	<b>260.000</b>	<b>101.000</b>	<b>101.000</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ thị trấn Bó Hạ qua xã Đông Sơn, huyện Yên Thế đi trường Cao đẳng Nghề Đông Bắc	UBND huyện Yên Thế	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021; 66/NQ-HĐND ngày 13/12/2023	280.580	280.580	2307/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	260.000	260.000	101.000	101.000	
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh</b>			<b>72.305</b>	<b>25.135</b>		<b>71.768</b>	<b>25.135</b>	<b>10.900</b>	<b>10.900</b>	
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>			<b>4.500</b>	<b>1.000</b>				<b>1.000</b>		<b>1.000</b>
<b>IV</b>	<b>Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất<sup>(1)</sup></b>								<b>100.000</b>		<b>100.000</b>

*Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.*

*(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XD/CB.*

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO UBND HUYỆN HIỆP HOÀ**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>			
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó:		
												Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	<b>Tổng số</b>		<b>933.954</b>	<b>171.454</b>	<b>102.500</b>		<b>916.903</b>	<b>162.500</b>	<b>111.454</b>	<b>405.100</b>	<b>15.100</b>	<b>385.000</b>	<b>5.000</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án do cấp tỉnh quản lý</b>		<b>123.954</b>	<b>21.454</b>	<b>102.500</b>		<b>123.954</b>	<b>12.500</b>	<b>111.454</b>	<b>12.000</b>	<b>7.000</b>		<b>5.000</b>	
*	<i>Dự án chuyển tiếp:</i>		<i>123.954</i>	<i>21.454</i>	<i>102.500</i>		<i>123.954</i>	<i>12.500</i>	<i>111.454</i>	<i>12.000</i>	<i>7.000</i>		<i>5.000</i>	
1	Xây dựng phòng học thuộc các xã ATKII: Xuân Cẩm, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hương Lâm, Hoàng An, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021; 06/NQ-HĐND ngày 05/4/2023	64.000	12.000	52.000	2295/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; 298/QĐ-UBND ngày 02/3/2023; 948/QĐ-UBND ngày 01/7/2023	64.000	12.000	52.000	7.000	7.000		
2	Tu bổ, tôn tạo một số di tích lịch sử, văn hóa ATKII tại các xã: Hòa Sơn, Hoàng Văn, Xuân Cẩm và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường THCS Hùng Sơn, huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 19/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	59.954	9.454	50.500	2190/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	59.954	500	59.454	5.000			5.000
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư các dự án</b>			<b>500.000</b>	<b>150.000</b>			<b>482.964</b>	<b>150.000</b>		<b>35.000</b>		<b>35.000</b>	
*	<i>Dự án chuyển tiếp:</i>			<i>500.000</i>	<i>150.000</i>			<i>482.964</i>	<i>150.000</i>		<i>35.000</i>		<i>35.000</i>	
1	Xây dựng tuyến đường trục Bắc Nam, huyện Hiệp Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện Hiệp Hòa	37/NQ-HĐND ngày 23/3/2021	500.000	150.000		2869/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	482.964	150.000		35.000		35.000	
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh</b>			<b>310.000</b>				<b>309.985</b>			<b>8.100</b>	<b>8.100</b>		
<b>IV</b>	<b>Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất<sup>(1)</sup></b>										<b>350.000</b>		<b>350.000</b>	

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XDCB.

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO UBND HUYỆN TÂN YÊN**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>			
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó:		
												Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách Trung ương
	<b>Tổng số</b>			261.594	14.200	165.750		261.098	12.200	194.000	629.950	9.200	550.000	70.750
<b>I</b>	<b>Dự án do cấp tỉnh quản lý</b>			230.000	3.000	165.750		230.000	1.000	194.000	70.750			70.750
*	<i>Dự án chuyển tiếp:</i>			230.000	3.000	165.750		230.000	1.000	194.000	70.750			70.750
1	Đường liên xã từ QL17 (đoạn gần thị trấn Nhã Nam) đi Phúc Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Tân Yên	14/NQ-HĐND ngày 29/6/2021; 19/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	230.000	3.000	165.750	1980/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	230.000	1.000	194.000	70.750			70.750
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh</b>			31.594	11.200			31.098	11.200		9.200	9.200		
<b>III</b>	<b>Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất<sup>(1)</sup></b>										550.000		550.000	

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XDCB.

## KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### GIAO UBND HUYỆN VIỆT YÊN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng số		91.200	4.000		89.208	4.000	1.610.500	6.500	1.604.000	
I	Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh		63.000			63.000		6.500	6.500		
II	Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)		28.200	4.000		26.208	4.000	4.000		4.000	
III	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất <sup>(1)</sup>							1.600.000		1.600.000	

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XDCB.

## KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### GIAO UBND HUYỆN YÊN DŨNG

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó:	
												Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	Tổng số			15.354							506.800	6.800	500.000
I	Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh			15.354							6.800	6.800	
II	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất <sup>(1)</sup>										500.000		500.000

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XDCB.

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO UBND HUYỆN LẠNG GIANG**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 <sup>(2)</sup>		
			Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Số quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:	
										Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất
	<b>Tổng số</b>			<b>576.107</b>	<b>231.779</b>		<b>509.194</b>	<b>224.779</b>	<b>799.332</b>	<b>29.250</b>	<b>770.082</b>
<b>I</b>	<b>Dự án do cấp tỉnh quản lý</b>			<b>409.957</b>	<b>204.979</b>		<b>409.957</b>	<b>204.979</b>	<b>82.432</b>	<b>19.350</b>	<b>63.082</b>
*	<i>Dự án chuyển tiếp:</i>			<i>409.957</i>	<i>204.979</i>		<i>409.957</i>	<i>204.979</i>	<i>82.432</i>	<i>19.350</i>	<i>63.082</i>
1	Đường kết nối từ ĐT.292 qua Khu công nghiệp An Hà, huyện Lạng Giang đến đường vành đai Đông Bắc, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Lạng Giang	09/NQ-HĐND ngày 09/7/2020; 03/NQ-HĐND ngày 06/4/2022	409.957	204.979	2578/QĐ-UBND ngày 25/12/2020; 1290/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	409.957	204.979	82.432	19.350	63.082
<b>II</b>	<b>Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố đầu tư theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh</b>			<b>115.000</b>	<b>19.800</b>		<b>99.237</b>	<b>19.800</b>	<b>9.900</b>	<b>9.900</b>	
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ đầu tư cơ sở làm việc công an xã chính quy giai đoạn 2021-2025 (Theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>			<b>51.150</b>	<b>7.000</b>				<b>7.000</b>		<b>7.000</b>
<b>IV</b>	<b>Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất<sup>(1)</sup></b>								<b>700.000</b>		<b>700.000</b>

Ghi chú: (1) Số thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp được thực hiện theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Các huyện, thành phố phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ năm 2024 cho các dự án đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo không để phát sinh nợ đọng XD/CB.



# **PHỤ LỤC I**

**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN  
VỮNG NĂM 2024, TỈNH BẮC GIANG**

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024, TỈNH BẮC GIANG**

(Kèm theo Quyết định số: 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Lấy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch 2023			Kế hoạch năm 2024			Ghi chú			
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh					
																	Ngân sách trung ương			Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương
<b>TỔNG SỐ</b>						451.695	343.851	62.852	388.745	343.745	45.000	215.086	190.086	25.000	123.496	103.496	20.000				
<b>PHÂN BỐ ĐỢT 1</b>															117.749	97.749	20.000				
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo Sơn Động</b>					349.140	259.148	45.000	287.148	259.148	28.000	193.616	172.616	21.000	84.248	77.248	7.000				
<b>1</b>	<b>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo</b>					229.140	169.721	28.000	196.571	169.721	26.850	129.867	110.017	19.850	57.420	50.420	7.000				
1.1	Cải tạo nâng cấp đường Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động	Đường dài 9,96km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi	2022-2024	4231/QĐ-UBND, 03/10/2022	78.640	58.351	11.000	69.351	58.351	11.000	57.970	49.970	8.000	11.381	8.381	3.000	Bổ trí đủ kế hoạch vốn Trung hạn 2021-2025		
1.2	Nâng cấp đường xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động đi xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	Đường dài 3,42km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi	2022-2024	4395/QĐ-UBND, 14/10/2022	64.000	47.360	9.000	56.360	47.360	9.000	45.642	38.642	7.000	10.718	8.718	2.000	Bổ trí đủ kế hoạch vốn Trung hạn 2021-2025		
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Chung Sơn, xã Lê Viễn đi Tô dân phố Đình, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Lê Viễn, Thị trấn An Châu, huyện Sơn Động	Đường dài 3,0 km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi	2023-2025	1112/QĐ-UBND, 27/3/2023	57.000	42.180	8.000	49.030	42.180	6.850	26.055	21.205	4.850	20.321	18.321	2.000			
1.4	Xây dựng Trạm y tế xã Thanh Luận	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Thanh Luận, huyện Sơn Động	Xây dựng nhà trạm y tế 2 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2024-2025	5204/QĐ-UBND, 22/12/2022	14.800	10.952		10.952	10.952		100	100	0	7.500	7.500				
1.5	Xây dựng Trạm y tế xã Hữu Sản	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Hữu Sản, huyện Sơn Động	Xây dựng nhà trạm y tế 2 tầng và các hạng mục phụ trợ khác	2024-2025	5203/QĐ-UBND, 22/12/2022	14.700	10.878		10.878	10.878		100	100	0	7.500	7.500				
<b>2</b>	<b>Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg</b>						120.000	89.427	17.000	90.577	89.427	1.150	63.749	62.599	1.150	26.828	26.828	0			

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Lũy kế bổ tri vốn đến hết kế hoạch 2023			Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh		
																	Ngân sách trung ương	
2.1	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã An Bá - Tuấn Đạo - Thanh Luân, huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã An Bá, Tuấn Đạo, Thanh Luân, huyện Sơn Động	Đường dài 12,036 km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi	2023-2025	974/QĐ-UBND, 22/3/2023	72.000	50.427	12.000	51.127	50.427	700	40.700	40.000	700	10.427	10.427	
2.2	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã An Bá - Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã An Bá, Tuấn Đạo, Thanh Luân, huyện Sơn Động	Đường dài 7,3km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi	2023-2025	1059/QĐ-UBND, 24/3/2023	48.000	39.000	5.000	39.450	39.000	450	23.049	22.599	450	16.401	16.401	
<b>II</b>	<b>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</b>						<b>102.555</b>	<b>84.703</b>	<b>17.852</b>	<b>101.597</b>	<b>84.597</b>	<b>17.000</b>	<b>21.470</b>	<b>17.470</b>	<b>4.000</b>	<b>39.248</b>	<b>26.248</b>	<b>13.000</b>
	<i>Trong đó: Phân bổ đợt 1</i>															<i>33.501</i>	<i>20.501</i>	<i>13.000</i>
<b>1</b>	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</b>						<b>87.694</b>	<b>69.842</b>	<b>17.852</b>	<b>86.736</b>	<b>69.736</b>	<b>17.000</b>	<b>16.900</b>	<b>12.900</b>	<b>4.000</b>	<b>33.758</b>	<b>20.758</b>	<b>13.000</b>
	<i>Trong đó: Phân bổ đợt 1</i>															<i>28.011</i>	<i>15.011</i>	<i>13.000</i>
1.2	Xây dựng Trường Cao đẳng miền núi Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD công trình DDCN tỉnh	Thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế	Mở rộng diện tích trường; xây dựng nhà lớp học, các phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ khác.	2023-2025	1073/QĐ-UBND, 25/7/2023	81.136	64.136	17.000	81.136	64.136	17.000	16.900	12.900	4.000	28.011	15.011	13.000
<b>2</b>	<b>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</b>						<b>14.861</b>	<b>14.861</b>	<b>0</b>	<b>14.861</b>	<b>14.861</b>	<b>0</b>	<b>4.570</b>	<b>4.570</b>		<b>5.490</b>	<b>5.490</b>	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	Xây dựng phần mềm; đầu tư trang thiết bị; đào tạo, chuyển giao công nghệ...	2023-2025	1414/QĐ-UBND, 25/9/2023	14.861	14.861		14.861	14.861		4.570	4.570		5.490	5.490	

## KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024, TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số: 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án/ Địa bàn, lĩnh vực thực hiện	Cơ quan giao kế hoạch chi tiết/ Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024						Ghi chú	
			Tổng số	Ngân sách trung ương				Ngân sách tỉnh		
				Tổng số	Trong đó					
					Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			Các hoạt động kinh tế
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>156.366</b>	<b>118.382</b>	<b>30.203</b>	<b>8.940</b>	<b>6.510</b>	<b>72.729</b>	<b>37.984</b>	
<b>PHÂN BỐ ĐỢT 1</b>			<b>149.366</b>	<b>111.382</b>	<b>23.203</b>	<b>8.940</b>	<b>6.510</b>	<b>72.729</b>	<b>37.984</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo Sơn Động</b>		<b>43.871</b>	<b>8.771</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.771</b>	<b>35.100</b>	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo	UBND huyện Sơn Động giao kế hoạch chi tiết	41.188	6.088	0	0	0	6.088	35.100	
-	Duy tu, bảo dưỡng công trình trên địa bàn huyện Sơn Động		41.188	6.088				6.088	35.100	
2	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo theo Quyết định số 880/QĐ-TTg	UBND huyện Sơn Động giao kế hoạch chi tiết	2.683	2.683	0	0	0	2.683	0	
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>	<b>UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết</b>	<b>35.500</b>	<b>35.500</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>35.500</b>	<b>0</b>	
	Thành phố Bắc Giang (*)		0	0				0		
	Huyện Việt Yên		1.501	1.501				1.501		
	Huyện Yên Dũng		1.589	1.589				1.589		
	Huyện Lạng Giang		1.854	1.854				1.854		
	Huyện Yên Thế		3.502	3.502				3.502		
	Huyện Tân Yên		2.589	2.589				2.589		
	Huyện Hiệp Hòa		2.942	2.942				2.942		
	Huyện Lục Nam		5.046	5.046				5.046		
	Huyện Lục Ngạn		7.650	7.650				7.650		
	Huyện Sơn Động		8.827	8.827				8.827		
<b>III</b>	<b>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</b>		<b>23.623</b>	<b>23.623</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6.510</b>	<b>17.113</b>	<b>0</b>	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết	17.113	17.113	0	0	0	17.113	0	
	Thành phố Bắc Giang (*)		0	0				0		
	Huyện Việt Yên		723	723				723		
	Huyện Yên Dũng		766	766				766		
	Huyện Lạng Giang		894	894				894		
	Huyện Yên Thế		1.688	1.688				1.688		
	Huyện Tân Yên		1.248	1.248				1.248		

STT	Dự án, tiểu dự án/ Địa bàn, lĩnh vực thực hiện	Cơ quan giao kế hoạch chi tiết/ Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024							Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương				Ngân sách tỉnh		
				Tổng số	Trong đó					
					Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		Các hoạt động kinh tế	
	Huyện Hiệp Hòa		1.418	1.418				1.418		
	Huyện Lục Nam		2.433	2.433				2.433		
	Huyện Lục Ngạn		3.688	3.688				3.688		
	Huyện Sơn Động		4.255	4.255				4.255		
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	Sở Y tế giao kế hoạch chi tiết	6.510	6.510	0	0	6.510	0	0	
	Thành phố Bắc Giang		286	286			286			
	Huyện Việt Yên		304	304			304			
	Huyện Yên Dũng		322	322			322			
	Huyện Lạng Giang		439	439			439			
	Huyện Yên Thế		609	609			609			
	Huyện Tân Yên		394	394			394			
	Huyện Hiệp Hòa		522	522			522			
	Huyện Lục Nam		1.023	1.023			1.023			
	Huyện Lục Ngạn		1.358	1.358			1.358			
	Huyện Sơn Động		1.253	1.253			1.253			
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		26.480	26.480	18.980	0	0	7.500	0	
	<i>Trong đó: Phân bổ đợt 1</i>		19.480	19.480	11.980	0	0	7.500	0	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		18.980	18.980	18.980	0	0	0	0	
	<i>Trong đó: Phân bổ đợt 1</i>		11.980	11.980	11.980	0	0	0	0	
1.1	Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (do cấp tỉnh thực hiện)	Sở Lao động - Thương binh và XH	475	475	475	0	0	0	0	
1.3	Đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo dưới 3 tháng	UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết	11.505	11.505	11.505	0	0	0	0	
	Thành phố Bắc Giang (*)		0	0	-					
	Huyện Việt Yên		486	486	486					
	Huyện Yên Dũng		515	515	515					
	Huyện Lạng Giang		601	601	601					
	Huyện Yên Thế		1.135	1.135	1.135					
	Huyện Tân Yên		839	839	839					
	Huyện Hiệp Hòa		954	954	954					
	Huyện Lục Nam		1.635	1.635	1.635					
	Huyện Lục Ngạn		2.479	2.479	2.479					
	Huyện Sơn Động		2.861	2.861	2.861					
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Sở Lao động - Thương binh và XH	300	300				300		

STT	Dự án, tiểu dự án/ Địa bàn, lĩnh vực thực hiện	Cơ quan giao kế hoạch chi tiết/ Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024						Ghi chú	
			Tổng số	Ngân sách trung ương				Ngân sách tỉnh		
				Tổng số	Trong đó					
					Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			Các hoạt động kinh tế
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		7.200	7.200	0	0	0	7.200	0	
3.1	Hỗ trợ việc làm bền vững (do cấp tỉnh thực hiện)	Sở Lao động - Thương binh và XH	1.440	1.440	0	0	0	1.440	0	
3.2	Hỗ trợ việc làm bền vững (do các huyện, thành phố thực hiện)	UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết	5.760	5.760	0	0	0	5.760	0	
	Thành phố Bắc Giang		46	46				46		
	Huyện Việt Yên		415	415				415		
	Huyện Yên Dũng		415	415				415		
	Huyện Lạng Giang		415	415				415		
	Huyện Yên Thế		553	553				553		
	Huyện Tân Yên		737	737				737		
	Huyện Hiệp Hòa		737	737				737		
	Huyện Lục Nam		553	553				553		
	Huyện Lục Ngạn		737	737				737		
	Huyện Sơn Động		1.152	1.152				1.152		
V	<b>Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc huyện nghèo Sơn Động</b>		<b>6.729</b>	<b>3.845</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.845</b>	<b>2.884</b>	
	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động giao kế hoạch chi tiết	6.729	3.845				3.845	2.884	
VI	<b>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</b>		<b>8.940</b>	<b>8.940</b>	<b>0</b>	<b>8.940</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin		6.163	6.163	0	6.163	0	0	0	
1.1	Giảm nghèo về thông tin		1.540	1.540	0	1.540	0	0	0	
-	Các nội dung giảm nghèo về thông tin (do cấp tỉnh thực hiện)	Sở Thông tin và Truyền thông	1.024,48	1.024,48		1.024,48				
-	Hỗ trợ trung bày, giới thiệu và bảo quản xuất bản phẩm in, ấn phẩm truyền thông in; chỉ quản lý vận hành phục vụ người đọc, xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử, các sản phẩm truyền thông khác và sử dụng dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của Nhân dân tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Sở Thông tin và Truyền thông	515,52	515,52		515,52				
1.2	Giảm nghèo về thông tin (do các huyện, thành phố thực hiện)	UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết	4.623	4.623	0	4.623	0	0	0	
	Thành phố Bắc Giang		61	61		61				
	Huyện Việt Yên		193	193		193				
	Huyện Yên Dũng		204	204		204				
	Huyện Lạng Giang		238	238		238				

STT	Dự án, tiểu dự án/ Địa bàn, lĩnh vực thực hiện	Cơ quan giao kế hoạch chi tiêu/ Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024						Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương				Ngân sách tỉnh	
				Tổng số	Trong đó				
					Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
	Huyện Yên Thế		450	450		450			
	Huyện Tân Yên		333	333		333			
	Huyện Hiệp Hòa		378	378		378			
	Huyện Lục Nam		649	649		649			
	Huyện Lục Ngạn		983	983		983			
	Huyện Sơn Động		1.134	1.134		1.134			
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		2.777	2.777	0	2.777	0	0	0
2.1	Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (do cấp tỉnh thực hiện)	Sở Lao động - Thương binh và XH	555	555		555			
2.2	Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (do các huyện, thành phố thực hiện)	UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết	2.222	2.222	0	2.222	0	0	0
	Thành phố Bắc Giang		29	29		29			
	Huyện Việt Yên		93	93		93			
	Huyện Yên Dũng		98	98		98			
	Huyện Lạng Giang		115	115		115			
	Huyện Yên Thế		216	216		216			
	Huyện Tân Yên		160	160		160			
	Huyện Hiệp Hòa		182	182		182			
	Huyện Lục Nam		312	312		312			
	Huyện Lục Ngạn		472	472		472			
	Huyện Sơn Động		545	545		545			
<b>VI</b>	<b>Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình</b>		<b>11.223</b>	<b>11.223</b>	<b>11.223</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		7.010	7.010	7.010	0	0	0	0
1.1	Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình (do cấp tỉnh thực hiện)	Sở Lao động - Thương binh và XH	1.050	1.050	1.050				
1.2	Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình (do các huyện, thành phố thực hiện)	UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết	5.960	5.960	5.960	0	0	0	0
	Thành phố Bắc Giang		78	78	78				
	Huyện Việt Yên		249	249	249				
	Huyện Yên Dũng		263	263	263				
	Huyện Lạng Giang		307	307	307				
	Huyện Yên Thế		580	580	580				
	Huyện Tân Yên		429	429	429				
	Huyện Hiệp Hòa		488	488	488				
	Huyện Lục Nam		836	836	836				
	Huyện Lục Ngạn		1.267	1.267	1.267				
	Huyện Sơn Động		1.463	1.463	1.463				

STT	Dự án, tiểu dự án/ Địa bàn, lĩnh vực thực hiện	Cơ quan giao kế hoạch chi tiết/ Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024							Ghi chú
			Tổng số	Ngân sách trung ương				Ngân sách tỉnh		
				Tổng số	Trong đó					
					Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		Các hoạt động kinh tế	
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá Chương trình		4.213	4.213	4.213	0	0	0	0	
2.1	Giám sát, đánh giá (do cấp tỉnh thực hiện)		420	420	420	0	0	0	0	
-	Giám sát, đánh giá	Sở Lao động - TB&XH	220	220	220					
-	Giám sát, đánh giá	Sở Nông nghiệp và PTNT	100	100	100					
-	Giám sát, đánh giá	Sở Thông tin và Truyền thông	70	70	70					
-	Giám sát, đánh giá	Sở Xây dựng	30	30	30					
2.2	Giám sát, đánh giá (do các huyện, thành phố thực hiện)	UBND các huyện, thành phố giao kế hoạch chi tiết	3.793	3.793	3.793	0	0	0	0	
	Thành phố Bắc Giang		50	50	50					
	Huyện Việt Yên		158	158	158					
	Huyện Yên Dũng		168	168	168					
	Huyện Lạng Giang		195	195	195					
	Huyện Yên Thế		369	369	369					
	Huyện Tân Yên		273	273	273					
	Huyện Hiệp Hòa		310	310	310					
	Huyện Lục Nam		532	532	532					
	Huyện Lục Ngạn		807	807	807					
	Huyện Sơn Động		931	931	931					

Ghi chú: (\*) Địa bàn không còn đối tượng thực hiện./.



## **PHỤ LỤC II**

**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG  
TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN  
TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024  
TỈNH BẮC GIANG**

**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số: 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024													Ghi chú		
			Tổng số			Ngân sách trung ương									Vốn ngân sách tỉnh			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó						Tổng số	Trong đó			
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Vốn sự nghiệp							Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp	
					Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội								
	<b>Tổng số</b>		<b>586.184</b>	<b>320.623</b>	<b>265.561</b>	<b>488.684</b>	<b>225.623</b>	<b>263.061</b>	<b>65.782</b>	<b>7.349</b>	<b>16.462</b>	<b>157.339</b>	<b>16.129</b>	<b>97.500</b>	<b>95.000</b>	<b>2.500</b>		
*	<i>Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1</i>		<i>458.013</i>	<i>309.619</i>	<i>148.394</i>	<i>359.172</i>	<i>214.619</i>	<i>145.894</i>	<i>29.282</i>	<i>7.349</i>	<i>16.462</i>	<i>76.672</i>	<i>16.129</i>	<i>97.500</i>	<i>95.000</i>	<i>2.500</i>		
I	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>		<b>39.318</b>	<b>18.071</b>	<b>21.247</b>	<b>38.514</b>	<b>17.267</b>	<b>21.247</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21.247</b>	<b>0</b>	<b>804</b>	<b>804</b>		Phân bổ theo tiêu chí	
1	Hỗ trợ đất ở, nhà ở	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	8.844	8.844		8.040	8.040							804	804			
	Huyện Sơn Động		0	0		0	-								-	-		
	Huyện Lục Ngạn		5.280	5.280		4.800	4.800								480	480		
	Huyện Lục Nam		2.772	2.772		2.520	2.520								252	252		
	Huyện Yên Thế		660	660		600	600								60	60		
	Huyện Lạng Giang		132	132		120	120								12	12		
2	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề		12.691		12.691	12.691		12.691		0	0	12.691					Phân bổ theo tiêu chí	
	Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	7.800		7.800	7.800		7.800				7.800						
	Huyện Lục Ngạn		2.891		2.891	2.891		2.891				2.891						
	Huyện Lục Nam		1.300		1.300	1.300		1.300				1.300						
	Huyện Yên Thế		700		700	700		700				700						
	Huyện Lạng Giang		0		0	0		-				-						
3	Hỗ trợ nước sinh hoạt		17.783	9.227	8.556	17.783	9.227	8.556	0	0	0	8.556						
3.1	Nước sinh hoạt phân tán		8.556	0	8.556	8.556	0	8.556	0	0	0	8.556		0	0	0		
	Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	4.320		4.320	4.320		4.320				4.320						
	Huyện Lục Ngạn		3.300		3.300	3.300		3.300				3.300						
	Huyện Lục Nam		480		480	480		480				480						

TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024												Ghi chú	
			Tổng số			Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh				
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó					Tổng số	Trong đó		
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp					Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp
				Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội							
	Huyện Yên Thế	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	420		420	420		420				420				
	Huyện Lạng Giang		36		36	36		36				36				
3.2	Nước sinh hoạt tập trung		9.227	9.227		9.227	9.227									Phân bổ theo tiêu chí
	Huyện Sơn Động		8.128	8.128		8.128	8.128									
	Huyện Lục Ngạn	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	0	0		0	-									
	Huyện Lục Nam		1.099	1.099		1.099	1.099									
II	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động, Yên Thế	<b>13.348</b>	<b>13.348</b>		<b>13.348</b>	<b>13.348</b>									Chi tiết tại Biểu 3C.2.2
III	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>		<b>129.992</b>	<b>9.004</b>	<b>120.988</b>	<b>129.992</b>	<b>9.004</b>	<b>120.988</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>120.988</b>	<b>0</b>			
*	<i>Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1</i>		<i>40.321</i>	<i>0</i>	<i>40.321</i>	<i>40.321</i>	<i>0</i>	<i>40.321</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>40.321</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		78.032		78.032	78.032		78.032				78.032				Phân bổ theo tiêu chí
1.1	<i>Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1</i>		<i>6.685</i>		<i>6.685</i>	<i>6.685</i>		<i>6.685</i>				<i>6.685</i>				
	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT giao kế hoạch chi tiết	3.905		3.905	3.905		3.905				3.905				Phân bổ theo tiêu chí
	Hỗ trợ bảo vệ rừng; Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ, huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	2.421		2.421	2.421		2.421				2.421				Phân bổ theo tiêu chí
	Hỗ trợ bảo vệ rừng huyện Lục Ngạn		359		359	359		359				359				Phân bổ theo tiêu chí
2	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		51.960	9.004	42.956	51.960	9.004	42.956	0	0	0	42.956	0			Phân bổ theo tiêu chí
*	<i>Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1</i>		<i>33.636</i>	<i>0</i>	<i>33.636</i>	<i>33.636</i>	<i>0</i>	<i>33.636</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>33.636</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	

TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024											Ghi chú				
			Tổng số			Ngân sách trung ương									Vốn ngân sách tỉnh			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó							Tổng số	Trong đó		
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp							Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp									
	Nội dung số 01 và nội dung số 03: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư		33.636	0	33.636	33.636	0	33.636										
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	15.830		15.830	15.830		15.830							15.830			Chi tiết tại biểu 3C.2.1
	- Huyện Lục Ngạn		9.502		9.502	9.502		9.502							9.502			
	- Huyện Lục Nam		4.618		4.618	4.618		4.618							4.618			
	- Huyện Yên Thế		3.473		3.473	3.473		3.473							3.473			
	- Huyện Lạng Giang		213		213	213		213							213			
IV	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc</b>		<b>213.613</b>	<b>200.630</b>	<b>12.983</b>	<b>156.576</b>	<b>143.593</b>	<b>12.983</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12.983</b>	<b>0</b>	<b>57.037</b>	<b>57.037</b>			
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		213.613	200.630	12.983	156.576	143.593	12.983				12.983		57.037	57.037			
1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã, thôn bản đặc biệt khó khăn		111.454	111.454		107.054	107.054							4.400	4.400		Phân bổ theo tiêu chí	
	* Phân bổ cho các huyện, xã		107.054	107.054		107.054	107.054										Phân bổ theo tiêu chí	
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	48.896	48.896		48.896	48.896										Chi tiết tại Biểu 3C.2.2	
	- Huyện Lục Ngạn		32.791	32.791		32.791	32.791											
	- Huyện Lục Nam		14.138	14.138		14.138	14.138											
	- Huyện Yên Thế		10.338	10.338		10.338	10.338											
	- Huyện Lạng Giang		891	891		891	891											
	* Đầu tư công trình giao thông có tác động lan tỏa trên địa bàn huyện Sơn Động	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Sơn Động	4.400	4.400		0	-							4.400	4.400		Chi tiết tại biểu 3C.2.2	
1.2	Duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư		12.433		12.433	12.433		12.433							12.433		Phân bổ theo tiêu chí	
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	5.679		5.679	5.679		5.679							5.679			
	- Huyện Lục Ngạn		3.809		3.809	3.809		3.809							3.809			

TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024											Ghi chú		
			Tổng số			Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh				
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó					Tổng số		Trong đó	
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp						Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp
				Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội							
	- Huyện Lục Nam		1.642	1.642	1.642		1.642				1.642					
	- Huyện Yên Thế	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	1.200	1.200	1.200		1.200				1.200					
	- Huyện Lạng Giang		103	103	103		103				103					
1.3	Thiết bị trạm y tế		550	550	550		550				550					Phân bổ theo tiêu chí
	- Huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	550	550	550		550				550					Chi tiết tại biểu 3C.2.1
1.4	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã	Ban QLDA ĐTXD các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế	83.474	83.474	30.837	30.837							52.637	52.637		Chi tiết tại biểu 3C.2.2
1.5	Xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ		4.182	4.182	4.182	4.182										Phân bổ theo tiêu chí
	- Xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	4.182	4.182	4.182	4.182										Chi tiết tại biểu 3C.2.1
1.6	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã		1.520	1.520	1.520	1.520										Phân bổ theo tiêu chí
	- Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	1.520	1.520	1.520	1.520										Chi tiết tại biểu 3C.2.1
V	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>		<b>132.494</b>	<b>66.712</b>	<b>65.782</b>	<b>95.335</b>	<b>29.553</b>	<b>65.782</b>	<b>65.782</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>37.159</b>	<b>37.159</b>	
*	<i>Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1</i>		<i>95.994</i>	<i>66.712</i>	<i>29.282</i>	<i>58.835</i>	<i>29.553</i>	<i>29.282</i>	<i>29.282</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>37.159</i>	<i>37.159</i>	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số		79.255	66.712	12.543	42.096	29.553	12.543	12.543	0	0	0		37.159	37.159	
1.1	Đầu tư trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú	Ban QLDA ĐTXD CT Dân dụng và CN, BQLDAĐTXD các huyện	66.712	66.712		29.553	29.553			0				37.159	37.159	Chi tiết tại biểu 3C.2.2
1.2	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số và xóa mù chữ		12.543		12.543	12.543		12.543	12.543	0	0	0				Phân bổ theo tiêu chí

TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chỉ tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024												Ghi chú	
			Tổng số			Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh				
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó					Tổng số	Trong đó		
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp					Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp
				Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội							
	Đầu tư CSVCS chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phục vụ giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh dân tộc thiểu số	Sở Giáo dục và Đào tạo	11.543		11.543	11.543		11.543	11.543							
	Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	UBND huyện Sơn Động	1.000		1.000	1.000		1.000	1.000							
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,	Ban Dân tộc	3.546		3.546	3.546		3.546	3.546							
	- Hỗ trợ đóng tiền học phí, chi phí sinh hoạt học tập...	Ban Dân tộc	1.546		1.546	1.546		1.546	1.546							Hỗ trợ sinh viên đại học
	- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc		2.000		2.000	2.000		2.000	2.000							
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Sở LĐTB và XH; UBND các huyện; các cơ sở đào tạo nghề	41.310		41.310	41.310		41.310	41.310							Theo nhu cầu
	<b>Trong đó: Phân bổ vốn chỉ tiết đợt 1</b>		<b>4.810</b>	<b>0</b>	<b>4.810</b>	<b>4.810</b>	<b>0</b>	<b>4.810</b>	<b>4.810</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
3.1	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng		3.000		3.000	3.000		3.000	3.000							
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động	985		985	985		985	985							
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn	855		855	855		855	855							
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Lục Nam	UBND huyện Lục Nam	565		565	565		565	565							
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Yên Thế	UBND huyện Yên Thế	390		390	390		390	390							
	Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng huyện Lạng Giang	UBND huyện Lạng Giang	205		205	205		205	205							
3.3	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		1.010		1.010	1.010		1.010	1.010							
3.3.1	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (cấp tỉnh thực hiện)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	280		280	280		280	280							
3.3.2	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		730		730	730		730	730							

TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chỉ tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024											Ghi chú			
			Tổng số			Ngân sách trung ương						Vốn ngân sách tỉnh					
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó					Tổng số		Trong đó		
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp						Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
				Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội								
	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động	170		170	170		170	170								
	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn	270		270	270		270	270								
	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng huyện Lục Nam	UBND huyện Lục Nam	120		120	120		120	120								
	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng huyện Yên Thế	UBND huyện Yên Thế	140		140	140		140	140								
	Truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng huyện Lạng Giang	UBND huyện Lạng Giang	30		30	30		30	30								
3.4	Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	200		200	200		200	200								
3.5	Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	600		600	600		600	600								
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện Chương trình các cấp	Ban Dân tộc	8.383		8.383	8.383		8.383	8.383								
<b>VI</b>	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>		<b>18.990</b>	<b>10.858</b>	<b>8.132</b>	<b>18.990</b>	<b>10.858</b>	<b>8.132</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.132</b>	<b>0</b>	<b>0</b>				Phân bổ theo tiêu chí
1	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	2.957	1.500	1.457	2.957	1.500	1.457			1.457						
2	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lục Ngạn	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	3.114	2.500	614	3.114	2.500	614			614						
3	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lục Nam	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	3.747	2.858	889	3.747	2.858	889			889						
4	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Yên Thế	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	5.162	4.000	1.162	5.162	4.000	1.162			1.162						
5	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Lạng Giang	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	90	0	90	90	-	90			90						

TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chỉ tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024											Ghi chú				
			Tổng số			Ngân sách trung ương									Vốn ngân sách tỉnh			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó							Tổng số	Trong đó		
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp							Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Tổng số	Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp									
6	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống dân tộc Cao Lan, Sán Chí; hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số; xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống; tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.920		3.920	3.920												
<b>VII</b>	<b>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em</b>		<b>7.349</b>		<b>7.349</b>	<b>7.349</b>		<b>0</b>	<b>7.349</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>						Phân bổ theo tiêu chí
	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động	2.758		2.758	2.758			2.758									
	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn	2.667		2.667	2.667			2.667									
	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Lục Nam	UBND huyện Lục Nam	654		654	654			654									
	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Yên Thế	UBND huyện Yên Thế	1.107		1.107	1.107			1.107									
	Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn huyện Lạng Giang	UBND huyện Lạng Giang	163		163	163			163									
<b>VIII</b>	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>		<b>12.967</b>		<b>12.967</b>	<b>12.967</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12.967</b>						Phân bổ theo tiêu chí
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Sơn Động	UBND huyện Sơn Động	4.885		4.885	4.885						4.885						
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Lục Ngạn	UBND huyện Lục Ngạn	3.438		3.438	3.438						3.438						
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Lục Nam	UBND huyện Lục Nam	1.809		1.809	1.809						1.809						



TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chỉ tiêu/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024													Ghi chú		
			Tổng số			Ngân sách trung ương									Vốn ngân sách tỉnh			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						Tổng số	Trong đó				
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp						Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			
				Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội									
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Yên Thế	UBND huyện Yên Thế	1.266		1.266	1.266		1.266					1.266					
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em trên địa bàn huyện Lạng Giang	UBND huyện Lạng Giang	121		121	121		121					121					
	Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	1.448		1.448	1.448		1.448					1.448					
<b>IX</b>	<b>Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>		<b>3.162</b>		<b>3.162</b>	<b>3.162</b>		<b>3.162</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.162</b>				Phân bổ theo tiêu chí	
1	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và MN		3.162		3.162	3.162		3.162					3.162					
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	UBND huyện Sơn Động	710		710	710		710					710					
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	UBND huyện Lục Ngạn	568		568	568		568					568					
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	UBND huyện Lục Nam	240		240	240		240					240					
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	UBND huyện Yên Thế	276		276	276		276					276					
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	UBND huyện Lạng Giang	168		168	168		168					168					
	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	Ban Dân tộc	1.200		1.200	1.200		1.200					1.200					
<b>X</b>	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>		<b>14.951</b>	<b>2.000</b>	<b>12.951</b>	<b>12.451</b>	<b>2.000</b>	<b>10.451</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.330</b>	<b>2.121</b>	<b>0</b>	<b>2.500</b>	<b>0</b>	<b>2.500</b>	Phân bổ theo tiêu chí	
*	<i>Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1</i>		<i>12.951</i>	<i>0</i>	<i>12.951</i>	<i>9.110</i>	<i>0</i>	<i>10.451</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>8.330</i>	<i>2.121</i>	<i>0</i>	<i>2.500</i>	<i>0</i>	<i>2.500</i>	<i>0</i>	
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào		8.989		8.989	6.989		6.989	0	0	6.989	0	0	2.000	0	2.000		

TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024													Ghi chú		
			Tổng số			Ngân sách trung ương									Vốn ngân sách tỉnh			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó						Tổng số	Trong đó			
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp						Vốn đầu tư phát triển		Vốn sự nghiệp	
					Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội								
	Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà; tuyên truyền	UBND huyện Sơn Động	894		894	894		894										
	Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà; tuyên truyền	UBND huyện Lục Ngan	1.545		1.545	1.545		1.545										
	Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà; tuyên truyền	UBND huyện Lục Nam	513		513	513		513										
	Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà; tuyên truyền	UBND huyện Yên Thế	699		699	699		699										
	Biểu dương, tôn vinh, thăm hỏi, tặng quà; tuyên truyền	UBND huyện Lạng Giang	138		138	138		138										
	Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN	Sở Tư pháp	400		400	400		400										
	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS	Ban Dân tộc	4.800		4.800	2.800		2.800					2.000			2.000		
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		3.341	2.000	1.341	3.341	2.000	1.341	0	0	1.341	0	0					
	<i>Trong đó: Phân bổ vốn chi tiết đợt 1</i>		<i>1.341</i>	<i>0</i>	<i>1.341</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.341</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.341</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
-	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	1.341		1.341			1.341										
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình		2.621		2.621	2.121		2.121	0	0	0	2.121	0	500	0	500		
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	UBND huyện Sơn Động	587		587	587		587				587						
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	UBND huyện Lục Ngan	408		408	408		408				408						
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	UBND huyện Lục Nam	77		77	77		77				77						
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	UBND huyện Yên Thế	140		140	140		140				140						

TT	Danh mục/Nội dung thực hiện	Cơ quan giao KH chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn 2024											Ghi chú		
			Tổng số			Ngân sách trung ương							Vốn ngân sách tỉnh			
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Vốn đầu tư phát triển	Trong đó					Tổng số		Trong đó	
				Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp						Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp
				Tổng số	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	Sự nghiệp Y tế, DS&GD	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội							
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	UBND huyện Lạng Giang	19		19	19						19				
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Sở Nông nghiệp và PTNT	100		100	100						100				
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Ban Dân tộc	850		850	350						350			500	
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Sở Giáo dục và Đào tạo	80		80	80						80				
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch	100		100	100						100				
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Hội Liên hiệp Phụ tỉnh	80		80	80						80				
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	80		80	80						80				
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Sở Y tế	60		60	60						60				
	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	Sở Thông tin và Truyền thông	40		40	40						40				

**KẾ HOẠCH VỐN GIAO CHO UBND CÁC HUYỆN, XÃ THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI  
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024	
			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Tiểu dự án 1) (Vốn ĐTPT)	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Tiểu dự án 2) (Vốn sự nghiệp)
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>146.392</b>	<b>112.756</b>	<b>33.636</b>
<b>I</b>	<b>HUYỆN LẠNG GIANG</b>	<b>1.104</b>	<b>891</b>	<b>213</b>
1	Xã Hương Sơn	1.104	891	213
<b>II</b>	<b>HUYỆN SƠN ĐỘNG</b>	<b>70.428</b>	<b>54.598</b>	<b>15.830</b>
1	Thị trấn An Châu	2.140	1.683	457
2	Xã Long Sơn	1.521	1.202	319
3	Xã Tuấn Đạo	2.140	1.683	457
4	TT.Tây Yên Tử	3.438	2.775	663
5	Xã Dương Hưu	3.380	2.748	632
6	Xã Hữu Sản	3.491	2.796	695
7	Xã An Lạc	3.612	2.913	699
8	Xã Vân Sơn	7.637	6.955	682
9	Xã Lệ Viễn	3.480	2.807	673
10	Xã Vĩnh An	4.275	3.616	659
11	Xã An Bá	4.233	3.561	672
12	Xã Yên Định	3.467	2.814	653
13	Xã Cẩm Đàn	3.583	2.884	699
14	Xã Thanh Luận	3.464	2.779	685
15	Xã Đại Sơn	3.464	2.803	661
16	Xã Phúc Sơn	3.575	2.876	699
17	Xã Giáo Liêm	8.402	7.703	699
18	UBND huyện Sơn Động	5.126		5.126
<b>III</b>	<b>HUYỆN LỤC NGẠN</b>	<b>42.293</b>	<b>32.791</b>	<b>9.502</b>

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024	
			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Tiểu dự án 1) (Vốn ĐTPT)	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Tiểu dự án 2) (Vốn sự nghiệp)
1	Xã Sa Lý	3.335	2.694	641
2	Xã Phong Minh	3.372	2.720	652
3	Xã Phong Vân	3.443	2.788	655
4	Xã Tân Sơn	6.580	5.963	617
5	Xã Cẩm Sơn	3.313	2.696	617
6	Xã Hộ Đáp	3.376	2.741	635
7	Xã Sơn Hải	3.369	2.721	648
8	Xã Phú Nhuận	3.506	2.837	669
9	Xã Đèo Gia	3.402	2.742	660
10	Xã Tân Lập	2.140	1.683	457
11	Xã Kim Sơn	1.014	801	213
12	Xã Thanh Hải	507	401	106
13	Xã Biên Sơn	507	401	106
14	Xã Tân Hoa	1.521	1.202	319
15	Xã Kiên Thành	507	401	106
16	UBND huyện Lục Ngạn	2.401		2.401
<b>IV</b>	<b>HUYỆN LỤC NAM</b>	<b>18.756</b>	<b>14.138</b>	<b>4.618</b>
1	Xã Bình Sơn	2.244	1.758	486
2	Xã Lục Sơn	3.653	3.172	481
3	Xã Trường Sơn	2.218	1.740	478
4	Xã Vô Tranh	2.264	1.778	486
5	Xã Trường Giang	1.521	1.202	319
6	Xã Nghĩa Phương	2.140	1.683	457
11	Xã Tam Dị	2.028	1.603	425
12	Xã Bảo Sơn	1.521	1.202	319
13	UBND huyện Lục Nam	1.167		1.167
<b>V</b>	<b>HUYỆN YÊN THẾ</b>	<b>13.811</b>	<b>10.338</b>	<b>3.473</b>
1	Xã Đồng Vương	3.349	2.731	618
2	Xã Đồng Tiến	2.140	1.683	457

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024	
			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Tiểu dự án 1) (Vốn ĐTPT)	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Tiểu dự án 2) (Vốn sự nghiệp)
3	Xã Canh Nậu	2.140	1.683	457
4	Xã Tiến Thắng	2.557	2.238	319
5	Xã Đồng Hữu	1.226	801	425
6	Xã Tân Hiệp	507	401	106
7	Xã Đông Sơn	1.014	801	213
8	UBND huyện Yên Thế	878		878

**Ghi chú:**

- UBND huyện giao kế hoạch chi tiết

- Vốn Dự án 4 đã bao gồm vốn cải tạo, nâng cấp trạm y tế, đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ (Chợ xã Vân Sơn, trạm y tế xã Vĩnh An, An Bá)

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã phân bổ đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024			
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh			
	<b>Tổng số</b>						<b>632.881</b>	<b>232.818</b>	<b>213.154</b>	<b>438.086</b>	<b>232.809</b>	<b>205.277</b>	<b>165.757</b>	<b>105.752</b>	<b>60.005</b>	<b>167.934</b>	<b>73.738</b>	<b>94.196</b>
<b>I</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>						<b>51.641</b>	<b>49.146</b>	<b>2.495</b>	<b>49.146</b>	<b>49.146</b>	<b>0</b>	<b>14.346</b>	<b>14.346</b>	<b>0</b>	<b>13.348</b>	<b>13.348</b>	<b>0</b>
1	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ các thôn, bản: Tràng Bản, Đồng Đăng, Thái Hà, La Xa, Bình Minh, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	BQLDA ĐTXD huyện Yên Thế	Xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	Nâng cấp mở rộng 3 tuyến đường giao thông dài khoảng 3.642,73 m; trạm bơm và hệ thống kênh mương	2022-2024	Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	19.146	19.146		19.146	19.146		13.846	13.846	0	5.300	5.300	0
2	Dự án quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tại chỗ thuộc thôn Sán, Dàn và Dân 3, xã Hữu Sán; Tổ dân phố Mậu, Tổ dân phố Thanh Chung, thị trấn Tây Yên Tử; thôn Đồng Riều, thôn Đông Mạ, thôn Bán, xã Dương Hưu; thôn Lọ, xã Lê Viễn; thôn Góc Sau, xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động.	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Huyện Sơn Động	Xử lý sạt trượt 2,460m2; xây dựng các tuyến đường khoản 5,83 km và 5 ngầm	2023-2025	Quyết định 4388/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	32.495	30.000	2.495	30.000	30.000		500	500		8.048	8.048	
<b>II</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc</b>						<b>362.339</b>	<b>104.004</b>	<b>114.780</b>	<b>218.784</b>	<b>104.004</b>	<b>114.780</b>	<b>79.148</b>	<b>47.148</b>	<b>32.000</b>	<b>87.874</b>	<b>30.837</b>	<b>57.037</b>
1	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						362.339	104.004	114.780	218.784	104.004	114.780	79.148	47.148	32.000	87.874	30.837	57.037
1.1	Đầu tư CSHT xã, thôn bản ĐBKK						23.000	5.000	16.100	21.100	5.000	16.100	16.700	5.000	11.700	4.400	0	4.400
*	- Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn và cầu Suối Xá, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động.	BQLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động	Chiều dài cầu 47,1m; chiều dài đường 580 m	2022-2024	Quyết định số 4152/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	23.000	5.000	16.100	21.100	5.000	16.100	16.700	5.000	11.700	4.400	-	4.400

Stt	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã phân bổ đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024			
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh			
1.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã						339.339	99.004	98.680	197.684	99.004	98.680	62.448	42.148	20.300	83.474	30.837	52.637
1.2.1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	BQLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động	dài 7,1 km; chiều rộng nền đường 8m; chiều rộng mặt đường 6m	2022-2024	Quyết định số 3946/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	32.500	10.646	11.200	21.846	10.646	11.200	16.646	10.646	6.000	5.200	-	5.200
1.2.2	Dự án cải tạo, nâng cấp đường đến trung tâm xã Long Sơn, huyện Sơn Động	BQLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã Long Sơn, huyện Sơn Động	dài 16,4 km; chiều rộng nền đường 8m; chiều rộng mặt đường 6m	2022-2024	Quyết định số 3890/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	68.500	24.333	25.600	49.933	24.333	25.600	19.543	13.763	5.780	30.390	10.570	19.820
1.2.3	Dự án cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Xã An Lạc, huyện Sơn Động	dài 12,5 km; rộng nền đường 7,5 m; chiều rộng mặt đường 7,0m;	2023-2025	Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	52.300	18.346	19.303	37.649	18.346	19.303	4.470	2.950	1.520	14.858	6.458	8.400
1.2.4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Tân Sơn, huyện Lục Ngạn đi xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn	Đường cấp IV miền núi, dài 11,5 km	2023-2025	Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	83.000	17.489	16.100	33.589	17.489	16.100	3.789	2.789	1.000	15.000	6.500	8.500
1.2.5	Cải tạo, nâng cấp đường xã Sơn Hải đi xã Hộ Đáp (Đoạn 1 từ Km6+761.16 đến Km13+890, đoạn 2 từ Km18+236 đến Km26+981.60), huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Xã Sơn Hải, Hộ Đáp, huyện Lục Ngạn	Đường cấp IV miền núi, chiều dài tuyến 15,9 km	2022-2025	Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	93.000	24.181	22.260	46.441	24.181	22.260	12.800	8.800	4.000	15.000	6.500	8.500
1.2.6	Dự án cải tạo, nâng cấp đường xã Đồng Vương đi xã Đồng Tiến, huyện Yên Thế	BQLDA ĐTXD huyện Yên Thế	Xã Đồng Vương, Đồng Tiến, huyện Yên Thế	Dài 2,636 km, đường cấp V miền núi	2022-2024	Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	10.039	4.009	4.217	8.226	4.009	4.217	5.200	3.200	2.000	3.026	809	2.217
<b>IV</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>						<b>218.901</b>	<b>79.668</b>	<b>95.879</b>	<b>170.156</b>	<b>79.659</b>	<b>90.497</b>	<b>72.263</b>	<b>44.258</b>	<b>28.005</b>	<b>66.712</b>	<b>29.553</b>	<b>37.159</b>
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số						218.901	79.668	95.879	170.156	79.659	90.497	72.263	44.258	28.005	66.712	29.553	37.159
1.1	Đầu tư Trường PTDTBT, Trường PTDTNT						218.901	79.668	95.879	170.156	79.659	90.497	72.263	44.258	28.005	66.712	29.553	37.159



Stt	Danh mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế/Nội dung thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đã phân bổ đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh			
1.1.1	Dự án đầu tư cơ sở vật chất các trường PTDTNT tỉnh, PTDTNT huyện Sơn Động, PTDTNT huyện Lục Ngạn theo chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025	BQLDAĐT XDCTDD và CN tỉnh	Các trường phổ thông DTNT	Tổng DT sàn xây dựng và cải tạo khoảng 15.080m2; XD nhà 4 tầng, 8 phòng và nhà 4 tầng 16 phòng	2022-2025	Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	58.388	18.000	40.388	53.006	18.000	35.006	16.326	10.320	6.006	20.114	6.346	13.768
1.1.2	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Sơn Hải, huyện Lục Ngạn; hạng mục: Nhà lớp học 4 tầng, nhà hiệu bộ 4 tầng, nhà công vụ giáo viên 02 tầng và các công trình phụ trợ.	BQLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn	Nhà lớp học 4 tầng, nhà hiệu bộ 4 tầng, nhà công vụ giáo viên 02 tầng và các công trình phụ trợ.	2022-2024	Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	26.000	7.884	7.095	14.979	7.884	7.095	11.879	6.879	5.000	3.100	1.005	2.095
1.1.3	Dự án cải tạo, nâng cấp Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Yên Thế: Hạng mục Phòng ở nội trú cho học sinh nội trú, công trình vệ sinh, nước sạch, nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc, phòng học thông thường và phòng học bộ môn; các công trình phụ trợ (tường bao, lát sân...)	BQLDA huyện Yên Thế	Huyện Yên Thế	Nhà lớp học 3 tầng, 16 phòng học; 26 phòng bán trú, 01 phòng quản lý, 01 nhà sinh hoạt giáo dục dân tộc, nhà vệ sinh, các hạng mục phụ trợ	2022-2024	Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	33.562	12.828	11.545	24.373	12.828	11.545	15.099	6.100	8.999	9.274	6.728	2.546
1.1.4	Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Hạng mục: Xây dựng mới nhà lớp học, nhà ở bán trú học sinh và các công trình phụ trợ,	BQLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Huyện Sơn Động	Nhà 3 tầng, 18 phòng học thông thường, bộ môn; nhà 3 tầng 14 phòng ở cho học sinh bán trú; phòng công vụ giáo viên; công trình vệ sinh, công trình phụ trợ	2022-2024	Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	38.531	15.287	13.750	29.028	15.278	13.750	15.955	9.955	6.000	13.073	5.323	7.750
1.1.5	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS Hộ Đáp: hạng mục: Nhà lớp học, nhà vệ sinh học sinh; Phòng chức năng 2 tầng; Bờ kè sân bán trú, lan can bờ sân, sân bê tông, vành lao bao quanh; Nhà ăn bán trú, phòng trực quản sinh.	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn	12 phòng ở cho học sinh bán trú, 9 phòng học, 8 phòng công vụ cho giáo viên, nhà ăn, nhà bếp, nhà kho, các công trình phụ trợ	2023-2025	Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	25.000	10.155	9.139	19.294	10.155	9.139	8.004	7.004	1.000	9.151	3.151	6.000
1.1.6	Dự án Cải tạo, nâng cấp Trường PTDTBT THCS xã Dương Hưu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. (Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học, nhà ở học sinh bán trú và các công trình phụ trợ)	BQLDA ĐTXD huyện Sơn Động	Huyện Sơn Động	20 phòng ở cho học sinh bán trú, 20 phòng học, 8 phòng công vụ cho giáo viên, 02 phòng quản lý học sinh, 01 nhà sinh hoạt, các công trình phụ trợ	2023-2025	Quyết định số 5310/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	37.420	15.514	13.962	29.476	15.514	13.962	5.000	4.000	1.000	12.000	7.000	5.000

## **PHỤ LỤC III.1**

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

*DVT: Triệu đồng*

STT	Đơn vị	Tổng số xã phân bổ vốn	Kế hoạch xã phấn đấu đạt chuẩn NTM, nâng cao, kiểu mẫu năm 2024				Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Xã duy trì tiêu chí	Đạt xã NTM	Đạt xã NTM nâng cao	Đạt xã NTM kiểu mẫu		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>96</b>	<b>73</b>	<b>5</b>	<b>12</b>	<b>6</b>	<b>308.038</b>	<b>248.038</b>	<b>60.000</b>	
<b>I</b>	<b>VỐN TRONG NƯỚC</b>						<b>279.665</b>	<b>219.665</b>	<b>60.000</b>	
1	Huyện Sơn Động	3	1	2	0	0	5.600	0	5.600	
2	Huyện Lục Ngạn	10	7	1	2	0	37.038	31.838	5.200	
3	Huyện Lục Nam	6	5	0	1	0	32.651	31.851	800	
4	Huyện Yên Thế	9	5	2	1	1	62.130	54.730	7.400	
5	Huyện Lạng Giang	10	10	0	0	0	16.980	14.980	2.000	
6	Huyện Tân Yên	14	9	0	3	2	46.298	25.298	21.000	
7	Huyện Hiệp Hoà	14	12	0	1	1	42.258	37.658	4.600	
8	Huyện Yên Dũng	10	8	0	1	1	12.500	8.800	3.700	
9	Huyện Việt Yên	14	10	-	3	1	22.638	12.938	9.700	
10	UBND Thành phố Bắc Giang	6	6	-	-	-	1.572	1.572	0	
<b>II</b>	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI</b>						<b>28.373</b>	<b>28.373</b>	<b>0</b>	

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: UBND HUYỆN SƠN ĐỘNG**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>5.600</b>		<b>5.600</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>5.000</b>		<b>5.000</b>	
1	xã Dương Hưu	2.500		2.500	
2	xã Vĩnh An	2.500		2.500	
<b>II</b>	<b>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới</b>	<b>600</b>		<b>600</b>	
2	xã Dương Hưu	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
3	xã Yên Định	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: UBND HUYỆN LỤC NGẠN**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>37.038</b>	<b>31.838</b>	<b>5.200</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>36.338</b>	<b>31.838</b>	<b>4.500</b>	
1	xã Kiên Lao	8.036	8.036		
2	xã Tân Lập	8.036	8.036		
3	xã Tân Sơn	2.500		2.500	
4	xã Giáp Sơn	4.352	3.352	1.000	
5	xã Nam Dương	1.262	262	1.000	
6	xã Hồng Giang	3.352	3.352		
7	xã Thanh Hải	262	262		
8	xã Trù Hựu	262	262		
9	xã Phụng Sơn	3.352	3.352		
10	xã Mỹ An	262	262		
11	xã Biển Động	3.352	3.352		
12	xã Phi Điền	1.310	1.310		
<b>II</b>	<b>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới</b>	<b>700</b>		<b>700</b>	
1	xã Kiên Lao	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
2	xã Tân Lập	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
3	xã Mỹ An	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: UBND HUYỆN LỤC NAM**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>32.651</b>	<b>31.851</b>	<b>800</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>31.851</b>	<b>31.851</b>		
<b>I.1</b>	<b>UBND huyện Lục Nam</b>	<b>27.659</b>	<b>27.659</b>		
<b>I.2</b>	<b>UBND các xã</b>	<b>4.192</b>	<b>4.192</b>		
1	xã Trường Giang	1.310	1.310		
2	xã Yên Sơn	1.310	1.310		
3	xã Vũ Xá	1.310	1.310		
4	xã Cẩm Lý	262	262		
<b>II</b>	<b>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên truyền về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới</b>	<b>800</b>		<b>800</b>	
1	xã Trường Giang	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
2	xã Vô Tranh	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
3	xã Lục Sơn	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: UBND HUYỆN YÊN THẾ**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>62.130</b>	<b>54.730</b>	<b>7.400</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>61.730</b>	<b>54.730</b>	<b>7.000</b>	
1	xã Đông Sơn	8.036	8.036		
2	xã Tân Sỏi	8.036	8.036		
3	xã Tân Hiệp	17.036	14.536	2.500	
4	xã Đồng Hưu	17.036	14.536	2.500	
5	xã An Thượng	4.352	3.352	1.000	
6	xã Tam Hiệp	1.310	1.310		
7	xã Đồng Kỳ	1.310	1.310		
8	xã Hồng Kỳ	262	262		
9	xã Đồng Lạc	4.352	3.352	1.000	
<b>II</b>	<b>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới</b>	<b>400</b>		<b>400</b>	
1	xã Đông Sơn	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM
2	xã Tân Sỏi	200		200	Thưởng xã đạt chuẩn NTM

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN**  
**CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)  
**GIAO CHO: UBND HUYỆN LẠNG GIANG**

DVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>16.980</b>	<b>14.980</b>	<b>2.000</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>14.980</b>	<b>14.980</b>		
1	xã Đào Mỹ	262	262		
2	xã Xương Lâm	262	262		
3	xã Thái Đào	262	262		
4	xã An Hà	262	262		
5	xã Mỹ Hà	3.352	3.352		
6	xã Tiên Lục	3.352	3.352		
7	xã Yên Mỹ	3.352	3.352		
8	xã Hương Lạc	3.352	3.352		
9	xã Nghĩa Hưng	262	262		
10	xã Tân Hưng	262	262		
<b>II</b>	<b>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới</b>	<b>2.000</b>		<b>2.000</b>	
1	Xã Đào Mỹ	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Xã Xương Lâm	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Xã Thái Đào	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	Xã An Hà	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
5	Xã Tân Hưng	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
6	Xã Nghĩa Hưng	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: UBND HUYỆN TÂN YÊN**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>46.298</b>	<b>25.298</b>	<b>21.000</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>44.698</b>	<b>25.298</b>	<b>19.400</b>	
<b>I.1</b>	<b>UBND huyện Tân Yên</b>	<b>13.400</b>		<b>13.400</b>	
<b>I.2</b>	<b>UBND các xã</b>	<b>31.298</b>	<b>25.298</b>	<b>6.000</b>	
1	xã Liên Sơn	262	262		
2	xã Ngọc Lý	262	262		
3	xã Ngọc Vân	4.352	3.352	1.000	
4	xã Phúc Hòa	1.262	262	1.000	
5	xã Hợp Đức	1.262	262	1.000	
6	xã Cao Xá	4.352	3.352	1.000	
7	xã Việt Ngọc	4.352	3.352	1.000	
8	xã Ngọc Thiện	4.352	3.352	1.000	
9	xã Đại Hóa	3.352	3.352		
10	xã Quang Tiến	3.352	3.352		
11	xã Lan Giới	3.352	3.352		
12	xã Phúc Sơn	262	262		
13	xã Việt Lập	262	262		
14	xã Lam Cốt	262	262		
<b>II</b>	<b>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới</b>	<b>1.600</b>		<b>1.600</b>	

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
1	Xã Liên Sơn	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	Xã Lam Cốt	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	Xã Ngọc Lý	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	Xã Ngọc Vân	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
5	xã Việt Lập	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: UBND HUYỆN HIỆP HÒA**

*DVT: Triệu đồng*

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>42.258</b>	<b>37.658</b>	<b>4.600</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>41.658</b>	<b>37.658</b>	<b>4.000</b>	
1	xã Hoàng Vân	4.352	3.352	1.000	
2	xã Xuân Cẩm	4.352	3.352	1.000	
3	xã Thương Thắng	4.352	3.352	1.000	
4	xã Danh Thắng	1.262	262	1.000	
5	xã Đồng Tân	3.352	3.352		
6	xã Thanh Vân	262	262		
7	xã Hoàng Lương	3.352	3.352		
8	xã Hoàng Thanh	3.352	3.352		
9	xã Hoàng An	3.352	3.352		
10	xã Hùng Sơn	262	262		
11	xã Thái Sơn	3.352	3.352		
12	xã Quang Minh	3.352	3.352		
13	xã Hòa Sơn	3.352	3.352		
14	xã Đại Thành	3.352	3.352		
<b>II</b>	<b>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới</b>	<b>600</b>		<b>600</b>	
1	xã Hoàng Vân	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	xã Xuân Cẩm	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: UBND HUYỆN YÊN DŨNG**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>12.500</b>	<b>8.800</b>	<b>3.700</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>10.800</b>	<b>8.800</b>	<b>2.000</b>	
1	xã Đồng Việt	262	262		
2	xã Trí Yên	262	262		
3	xã Lão Hộ	262	262		
4	xã Cảnh Thụy	262	262		
5	xã Lãng Sơn	262	262		
6	xã Tân Liễu	1.262	262	1.000	
7	xã Tư Mại	1.262	262	1.000	
8	xã Nội Hoàng	262	262		
9	xã Hương Gián	3.352	3.352		
10	xã Tiên Phong	3.352	3.352		
<b>II</b>	<b>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới</b>	<b>1.700</b>		<b>1.700</b>	
1	xã Đồng Việt	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	xã Trí Yên	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
3	xã Lão Hộ	300		300	Thưởng xã đạt chuẩn NTM nâng cao
4	xã Cảnh Thụy	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
5	xã Lãng Sơn	400		400	Thưởng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: UBND HUYỆN VIỆT YÊN**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>22.638</b>	<b>12.938</b>	<b>9.700</b>	
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>19.938</b>	<b>12.938</b>	<b>7.000</b>	
1	xã Ninh Sơn	262	262		
2	xã Tăng Tiến	262	262		
3	xã Thượng Lan	1.262	262	1.000	
4	xã Việt Tiến	262	262		
5	xã Quang Châu	1.262	262	1.000	
6	xã Tự Lạn	1.262	262	1.000	
7	xã Nghĩa Trung	262	262		
8	xã Trung Sơn	4.352	3.352	1.000	
9	xã Tiên Sơn	4.352	3.352	1.000	
10	xã Hương Mai	1.262	262	1.000	
11	xã Quảng Minh	262	262		
12	xã Hồng Thái	262	262		
13	xã Vân Trung	262	262		
14	xã Minh Đức	4.352	3.352	1.000	
<b>II</b>	<b>Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM, tuyên thông về xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới</b>	<b>2.700</b>		<b>2.700</b>	
1	xã Minh Đức	300		300	Thường xã đạt chuẩn NTM nâng cao
2	xã Ninh Sơn	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
3	xã Tăng Tiến	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
4	xã Thượng Lan	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
5	xã Việt Tiến	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
6	xã Quang Châu	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu
7	xã Tự Lạn	400		400	Thường xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: UBND THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Địa phương	Tổng kế hoạch vốn năm 2024	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<b>Tổng số</b>	<b>1.572</b>	<b>1.572</b>		
<b>I</b>	<b>Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>1.572</b>	<b>1.572</b>		
1	xã Tân Tiến	262	262		
2	xã Đồng Sơn	262	262		
3	xã Song Mai	262	262		
4	xã Đình Trì	262	262		
5	xã Tân Mỹ	262	262		
6	xã Song Khê	262	262		

*Ghi chú: UBND Thành phố giao kế hoạch chi tiết*

**BIỂU PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**GIAO CHO: BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục/Nội dung thực hiện	Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTPT giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn bố trí cho dự án đã cấp đến năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW (vốn nước ngoài ODA)	NS tỉnh		NSTW (vốn nước ngoài ODA)	NS tỉnh		NSTW (vốn nước ngoài ODA)			
	<b>Tổng số</b>						<b>84.532</b>	<b>13.600</b>	<b>70.932</b>	<b>38.066</b>	<b>2.600</b>		<b>37.373</b>	<b>9.000</b>	<b>28.373</b>		
<b>1</b>	<b>Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn</b>						<b>84.532</b>	<b>13.600</b>	<b>70.932</b>	<b>38.066</b>	<b>2.600</b>		<b>37.373</b>	<b>9.000</b>	<b>28.373</b>		
	Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các Trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tại tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình DD&CN tỉnh	2021-2025	Số 2564/QĐ-UBND ngày 25/12/2020; 567/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	84.848,04	13.916,04	70.932	84.532	13.600	70.932	38.066	2.600	35.466	37.373	9.000	28.373	

## **PHỤ LỤC III.2**

**KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY  
DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024**



**TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>54.993</b>
<b>I</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 1:</b> Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá		<b>4.800</b>
1	Chi công tác quy hoạch	UBND huyện Lục Nam	4.800
<b>II</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 2:</b> Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền		<b>11.500</b>
1	Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	Sở Thông tin và Truyền thông	11.500
<b>III</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững		<b>15.283</b>
1	Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	UBND huyện Yên Dũng; Lục Ngạn	2.500
2	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP):	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố	5.867
3	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	Sở Nông nghiệp và PTNT	216
4	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và PTNT	1.700
5	Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5.000
<b>IV</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 06:</b> Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn		<b>9.000</b>
1	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9.000

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024
V	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07:</b> Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam		5.570
1	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	UBND huyện Hiệp Hòa; UBND huyện Yên Dũng; UBND huyện Lục Ngạn; UBND huyện Tân Yên; UBND huyện Yên Thế; UBND huyện Lục Nam	3.720
2	Chi thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.850
VI	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 08:</b> Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới		223
1	Chi phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn	Sở Tư pháp	223
VII	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09:</b> Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM		1.809
1	Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”	Hội Nông dân tỉnh	490
2	Chi thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới	Tỉnh đoàn Thanh niên	180
3	Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”	Hội Liên Hiệp Phụ nữ tỉnh	1.139
VIII	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 10:</b> Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn		1.332
1	Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn	Công an tỉnh	1.332
IX	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b> Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.		5.476

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì, quản lý	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024
1	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	Văn phòng Điều phối nông thôn mới; UBND các huyện, thành phố	1.650
2	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	Cục Thống kê tỉnh; Hội Cựu chiến binh tỉnh; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	1.521
3	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	2.305

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	<b>5.000</b>	
	Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	5.000	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 06:</b> Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	<b>9.000</b>	
	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở	9.000	

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**GIAO CHO: SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>11.500</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền</b>	<b>11.500</b>	
	Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	11.500	

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.433</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	<b>4.583</b>	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	3.867	
	Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	216	
	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	500	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07:</b> Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	<b>1.850</b>	
	Chi thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	1.850	

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**GIAO CHO: SỞ TƯ PHÁP**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>223</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 08:</b> Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	223	
	Chi phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn	223	

*Biểu số 3C.4.6*

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: CÔNG AN TỈNH**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.332</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn</b>	<b>1.332</b>	
	Tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn	1.332	



*Biểu số 3C.4.7*

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: CỤC THỐNG KÊ TỈNH**

*DVT: Triệu đồng*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>70</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM</b>	<b>70</b>	
	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	70	

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**GIAO CHO: SỞ CÔNG THƯƠNG**

*DVT: Triệu đồng*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.200</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	<b>1.200</b>	
	Chi hỗ trợ phát triển thị trường và xúc tiến thương mại nông sản	1.200	

*Biểu số 3C.4.9*

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ TỈNH**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.139</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM</b>	1.139	
	Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”	1.139	

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**GIAO CHO: HỘI NÔNG DÂN TỈNH**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>490</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM</b>	490	
	Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”	490	

*Biểu số 3C.4.11*

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: HỘI CỤU CHIẾN BINH TỈNH**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>351</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM</b>	<b>351</b>	
	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	351	

*Biểu số 3C.4.12*

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: TỈNH ĐOÀN**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>180</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM</b>	180	
	Chi thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới	180	

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024***(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)***GIAO CHO: VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH***DVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.055</b>	
1	<b>Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.</b>	4.055	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	650	
	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	1.100	
	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”	2.305	

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)  
**GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>5.220</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 1:</b> Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá	<b>4.800</b>	
	Chi công tác quy hoạch	4.800	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	<b>200</b>	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
<b>3</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07:</b> Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	<b>120</b>	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	120	
<b>4</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b> Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	<b>100</b>	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết



**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.620</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07:</b> Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	1320	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	1.320	
<b>3</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b> Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>300</b>	
1	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	200	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
2	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b> Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	100	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>300</b>	
<b>1</b>	<p><b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b>            Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững</p>	<b>200</b>	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
<b>2</b>	<p><b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b>            Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM</p>	<b>100</b>	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>540</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	<b>200</b>	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07:</b> Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	<b>240</b>	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	240	
<b>3</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b> Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	<b>100</b>	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>300</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	<b>200</b>	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b> Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	<b>100</b>	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>980</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	<b>700</b>	
	Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	500	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07:</b> Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	<b>180</b>	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	180	
<b>3</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b> Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	<b>100</b>	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)

**GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.200</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	<b>2.200</b>	
	Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	2.000	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07:</b> Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	<b>900</b>	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	900	
<b>3</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b> Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	<b>100</b>	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.260</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	<b>200</b>	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 07:</b> Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	<b>960</b>	
	Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu	960	
<b>3</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b> Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	<b>100</b>	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*



**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**GIAO CHO: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2024	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>300</b>	
<b>1</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 03:</b> Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	<b>200</b>	
	Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	200	
<b>2</b>	<b>NỘI DUNG THÀNH PHẦN SỐ 11:</b> Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	<b>100</b>	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	100	

*Ghi chú: UBND thành phố giao kế hoạch chi tiết*